

Bản-chí khải-sự

I. — Số tạp-chí này là một số đặc-biệt, giải-thích về chính-sách của quan thủ-hiến. Vì có nhiều bài chữ Pháp cần-thiết đến việc chính-trị và kinh-tế hiện thời, khiến cho số trang tăng lên gấp hai, và lại có nhiều ảnh, nên bản-chí phải gồm hai kỳ 1^{er} và 15 Aout làm một và ra chậm; giá bán kỳ này tính là năm hào, song những kỳ sau lại ra một tháng hai kỳ và tính giá 0\$25.

Những bài trong phần chữ Pháp kỳ đặc-biệt này sau sẽ có dịch ra quốc-văn, dẫn dẫn cho khắp các bạn đọc Nam-Phong hiểu rõ với vận-mệnh Đông-Pháp, ta đều có thể một lòng tin cậy ở quan Toàn-quyền Robin, là một nhà chính-trị lão-luyện và vụ-thực.

II. — Bản-chí chủ-bút, ông Hàn-Thu Nguyễn-tiến-Lãng, có lời cảm-tạ những bạn gần xa đã gửi thơ khuyến-khích hoặc gửi bài vở giúp cho bản-chí. Những bài vở xét ra có giá-trị, sẽ xin đăng dẫn. Về sự đòi mời của *Nam-Phong*, bản-chí đồng-nhân vẫn một mực tiến-hành; song không thể trong chốc-lát đạt tới mục-dịch. Vì ông Nguyễn gần nay lại vào Nam ra Bắc luôn luôn, cho nên đôi khi chậm-trễ, xin độc-giả tha thứ, và riêng xin các bạn thanh-niên lượng biết cho.

Ông Nguyễn chỉ là chủ-bút, nhận các thơ từ về việc tòa-soạn. Mọi công việc khác, xin độc-giả nhớ cho rằng nay cũng như xưa, vắng mặt bản-chí sáng-lập và chủ-nhân là quan thượng Phạm thì ông Lê-văn-Phúc là bản-chí chủ-nhiệm.

MỘT CÁI BÍ-QUYẾT CHỐNG VỚI NẠN KINH-TẾ KHỦNG-HOẢNG :

Chủ-nghĩa cần-kiệm



Nạn kinh-tế khủng-hoảng chung của thế-giới tràn vào làm khốn-đốn cho dân nước ta, đã bốn năm nay rồi. Nhưng trước khi cái nạn kinh-tế khủng-hoảng của thế-giới chưa tràn vào, thì chính tự trong nước ta cũng đã sa vào cái cảnh cùng-khốn đến vài mươi năm nay rồi.

Giữa lúc thế-giới đang cạnh-tranh sống-mái với nhau về kinh-tế, mà một dân-tộc bị thua kém mọi đường như dân-tộc Việt-Nam thì lẽ tất-nhiên là phải chịu cái bước nghèo-khó không sao tránh khỏi.

Vi như chứng bệnh : Kinh-tế khủng-hoảng ở ngoài tràn vào là bệnh ngoại-cảm, sự nghèo-khốn ngấm-ngấm liên-miên ở trong là bệnh nội-thương. Vậy người mắc bệnh, người nào trong mình tinh-thần khi-buyết vẫn đang cường-tráng như thường, thì bệnh ngoại-cảm tuy có thốt-nhiên truyền-nhiễm vào, nhưng sinh-lý ở trong cũng đủ sức tự chống cự lại mà không bao lâu sẽ bình-phục như cũ ngay. Đến như cái người mà trong mình đã bị bệnh nội-thương trầm-trọng làm hao-tồn tinh-thần, tiêu-thước khí-huyết dần mòn đã lâu. Thế mà nhất-đán lại nhiễm thêm cái bệnh ngoại-cảm vào làm nguy-kịch, thì cái hiểm-trọng của bệnh-tình ấy mới rất là đáng lo.

Xem như thế thì hiện-tình kinh-tế của dân nước ta bây giờ chính đang hăm vào cái cảnh nội-thương ngoại-cảm cũng làm khốn-đốn đó. Lo cứu-vãn cho cái bệnh-trạng nghèo-cùng ấy, người ta tìm ra có nhiều phương thuốc. Song chỉ có cái phương thuốc chính đáng và đúng với bệnh-trạng nghèo-cùng ấy, không còn gì hơn là thuyết chấn-hưng thực-nghiệp. Nghĩa là phải cải-cách nghề nông-phổ, phải mở-mang nghề công nghệ thương, khiến cho cái đời kinh-tế trong nước đủ tự-lập thì mới mong có cái cơ sinh-tồn vững chắc được.

Tôi cũng nghĩ như thế, cũng biết rằng phải như thế và chỉ có như thế, dù trước sau chống chậm mặc lòng, không làm như thế cũng không còn có cách gì mà cứu-vãn cho cái nạn nghèo-khốn của dân nước ta được nữa. Song muốn làm việc gì, phải có cái đức-tính xứng-đáng để làm việc ấy. Xưa nay biết bao nhiêu công-cuộc bị thất-bại, chỉ vì người làm không có đủ cái đức-tính xứng-đáng để đảm-đang đó mà thôi. Vậy trước khi muốn chấn-hưng thực-nghiệp, trước khi muốn tìm kế-sách để chống với nạn kinh-tế khủng-hoảng hiện nay, chống với bệnh cùng-khốn về sau còn dài, chúng ta phải nên

thực-hành lấy cái bí-quyết là chủ-nghĩa cần-kiệm của dân-tộc đã.

Nghe nói hai chữ cần - kiệm có người vội hỏi tôi rằng: Cần với kiệm ư? Lại vấn-đề luân-lý đạo-đức mất rồi. Bây giờ người ta đang bí cái lối hay bàn luân-lý, giảng đạo-đức kia mà, nói làm gì.

Tôi xin thưa rằng: Không sợ. Người ta bí là bí những lối luân-lý cò-hủ, dở hơi, đạo-đức giả-dối lừa người kia đấy. Còn như cần với kiệm mà tôi sẽ nói ra đây, nó tuy có họ-hàng với nhà luân-lý đạo-đức, nhưng nó chính lại là con đẻ của nhà công-lợi kia. Đời công-lợi lại càng phải cần hỏi đến nó, nó sinh ra đời tuy lâu mà không bao giờ cò, ai biết đến nó thì tự được ích-lợi cho chính ngay cái đời kinh-tế của thân mình.

Dân ta ngày nay, nhất là chốn thôn quê, cái cảnh-huống tiêu-diêu lam-lũ, ngày càng hiện ra một cách thảm-mục thương-lâm. Xét ra tuy có nhiều duyên-cớ, nào cái cớ vì quyền-lợi thiệt-thời, nào cái cớ vì trí-thức ít được mở-mang; nhưng cái cớ thiết-thực thứ nhất là do dân ta những bỏ mất cái đức-tính cần-kiệm đi đã lâu rồi vậy.

Vấn hay ăng dần ta sờ-dĩ gần đây đường-thành cái đức-tính lười-iếng hoang-toàng mà những bỏ mất cái đức-tính cần-kiệm của người xưa đi, không phải là ngẫu-nhiên, mà là do ở chỗ phản-quang của thời-thế: Vì thất-vọng mà sinh lười-biếng, vì ngộ-nhận ở bề ngoài văn-minh mà sinh xa-xỉ. Song dù sao đi nữa, thì cái lối không cần-kiệm bây giờ nó cũng phải chịu một phần trách-nhiệm ở trong cái nạn nghèo-cùng này.

Nước ta tự hồi tái-tạo cho tới lúc thành-công, hơn một nghìn năm lại

đây, nào chống cỡi bắc, nào mở miền nam, dân-tộc Việt-Nam lúc nào cũng xử vào cái cảnh gầy dựng gian-nan, nếu không giàu cái đức-tính cần-kiệm mà được như thế dư. Thế mà đến ngày nay thì khác hẳn: ngày xưa có phải quan-lại gọi là lười-biếng, là không phải làm việc lao-lực mà thôi, nhưng gia-dình của những người ấy, phần nhiều đều có bản-nghiep riêng. Ngày nay số lại-dịch lảng lên rất nhiều, mà hầu hết vợ con đều chỉ ngồi trông vào cái ngọn bút của họ để ăn chơi một cách quá phạn. Ở thôn-quê thì nghề làm ruộng suy đi, nay tìm lấy một người thợ cấy cần-thận và khéo như xưa thì hiếm lắm. Đó là đức cần.

Ngày xưa người làm đến quan triều quan tỉnh cũng thường ăn dùng tản-tiền, đi dẫu, cái nón sơn, cái tráp gỗ đề mộc, không khác gì người dân thường. Người nhà nông ra ngoài đã mặc đến bộ quần áo lụa nấu nấu, là trong nhà giàu sức-tích lắm rồi. Ngày nay chưa kể nơi thành-thị phú-hoa, mà hẳng nói ngay chỗ thôn-quê chất-thực, cũng đủ thấy sự xa-xỉ một cách đại-dột là dường nào! Tranh một chức tổng, lý, được thua cũng mất đến hàng nghìn, vay nợ lãi đề sấm áo đoạn giấy « giòn », cầm ruộng vườn để mở đám mừng: kết hoa, treo cờ vạn-quốc và đèn xếp. Đó là đức kiệm.

Dau-cử vài điều như trên, thì đủ biết cái đức-tính cần-kiệm của dân-tộc đến ngày nay suy-kém hầu hết rồi.

Thế giới cạnh-tranh, mà chỉ cốt cạnh-tranh về kinh-tế. Cái cơ sinh-tồn của một dân-tộc là ở đó. Đáng lẽ người khéo mà ta vụng thì ta phải lấy sự siêng-năng để bù vào, đáng lẽ người kiếm được nhiều mà ta kiếm được ít, thì ta phải lấy sự kiệm-ước để phòng xa.

Như vậy còn lo chữa đủ, nữa là đã vụng mà lại lười, đã kiếm được ít mà lại hoang-phí. Cái vạ nghèo-khó nọ, ta còn dám trách trời được dư?

Như vậy mỗi người trong chúng ta không tự bắt-buộc mình phải giữ lại chủ-nghĩa cần-kiệm của dân-tộc xưa không được.

Cần không những ai ai cũng phải có nghề, cũng phải chăm làm việc, mà còn không được khinh-bĩ những việc lao-lực nữa. Không kỳ là ông bà gì, phú-quí đến bậc nào, đều phải có lúc cần nhắc làm-lụng, hoặc đi đâu tự mang-xách lấy hành-lý đồ-đạc của mình. Có thể vào chợ mua và xách lấy đồ ăn dùng cho mình được. Đừng giữ cái lối quan-cách kiêu-cang, đồng một tí cũng nể bầy người hầu, vừa làm hư nết cho mình vừa làm tười-biếng cho nhiều người khác. Xã-hội đã không khinh-bĩ việc nặng nhọc thì nghề-nghiệp thực-lợi mới phát-đạt, mà cái hủ-tục sinh làm quan-trưởng, thích sự thanh-nhan, ưa những dáng-điệu thướt-tha mỹ-miền hèn-yếu mới mất đi.

Đến như đức kiệm, có người nói : Đòi văn-minh vật-chất mà còn lôi đức kiệm ra, lại càng thêm phương-ngại cho sự tiến-hóa của dân-tộc. Tôi nói : Có thể làm phương-hại cho sự tiến-hóa của dân-tộc, đó là cái đức biền-lận kia đây, chứ không phải là đức kiệm. Biền-lận gần với tham-lam. Chỉ lo vor-vét cho đầy túi rồi thắt chặt, chính tự thân

mình cũng bạc-dãi, còn nghĩ gì đến nghĩa-vụ với từ-lâm. Trong một nước mà ai cũng giàu cái đức biền-lận như thế, thì còn ai là người dám bỏ tiền ra để tưởng-lệ cho mĩ-thuật của bản-quốc, còn ai là người dám đem huyết-hãn để giúp cho sự-nghiệp công-cộng của xã-hội. Đức biền-lận nó phương-ngại cho sự tiến-hóa của dân-tộc là thế. Còn như đức kiệm thì khác. Kiệm là ai nấy đều biết tùy cái lượng kiếm được của tài mình mà dùng đồng tiền cho có tiết-độ, cho đáng vào việc cần dùng của bản-thân của xã-hội. Không làm thân giữ của mà cũng không gánh vác đi đồ sông Ngô. Nghĩa là kiệm để trước lo cho thân đủ dùng, sau lo giúp ích cho xã-hội. Tức như ngày xưa Khổng-tử khen vua Vũ : ăn dùng thì kiệm-ước mà việc lễ nhạc, việc khai kênh đào ngòi cho dân thì hết sức làm đẹp-dẽ, lớn-lao. Lại như trong bài dụ-ký của một người Nhật khen dân quê bên Tây, có nhiều người chung-thân cần-kiệm chỉ để dành giúp vào những việc công-ích. Xã-hội ngày nay không thể thiếu được đức kiệm như thế.

Cả sống về nước, người sống về của-cải. Muốn có của-cải phải cần, muốn giữ của-cải cho mình cho nước, phải kiệm. Cần-kiệm như thế ta gọi là chủ-nghĩa cần-kiệm của dân-tộc. Gọi là cái bí-quyết để khu-trừ nạn kinh-tế khủng-hoảng.

NGUYỄN TRỌNG-TAUYẾT



NHỮNG NGUYỄN-VỌNG CỦA DÂN AN-NAM (1)

HÀN-THU



(Tiếp theo)

Nguyễn-vọng thanh-niên

Rút lại xét hiện-tình xã-hội Việt-Nam, thì bao nhiêu hi-vọng cải-tạo, chấn-bưng, phải cật vào phái thanh-niên hết thảy. Nhất là từ khi đức Thanh-niên Hoàng-đế hồi-loan làm-chính, thì quốc-dân hi-vọng vào thanh-niên chẳng là đích-đáng lắm hay sao ?

Đức Kim-thượng là vị Hoàng-đế thứ nhất của nước Việt-Nam đã xuất-đương du-học, từ thuở nhỏ hấp thụ giáo-dục văn-hóa Tây-phương. Ngài hồi-loan, nước Pháp đã muốn cho cuộc hồi-loan đó có một vẻ long-trọng đặc-sắc, xưa nay chưa từng thấy. Họ chẳng phải là chính-phủ Bảo-hộ muốn bày-tỏ một cách thật rõ ràng rằng : Ở nước An-Nam cũng như ở khắp các nước khác trong năm châu, nay đã tới « cái giờ của thanh-niên », cái thời-khắc thanh-niên được hoạt-động, được đứng tay vào việc xã-hội, việc quốc-gia đó hay sao ?

Ở nước nào cũng vậy, ở thời-dại nào cũng vậy, không sao tránh được cuộc xung-đột giữa « dĩ-vãng » và « tương-lai », giữa cái thế-lực của phái muốn bảo-thủ và cái phong-trào thanh-niên muốn tiến. Ở nước Nam ta, sự xung-đột ấy đã về thành một bức tranh có nhiều nét đen lông cho người quan-sát, bởi vì phái cũ và phái mới, kể tuổi thì

cách nhau chỉ vài mươi năm mà kẻ chí-hướng và tinh-thần thì cách nhau quá xa.

Một đời trước, ta thấy hình như cái khuynh-hướng « tồn-cổ » mạnh hơn cái khuynh-hướng « tân ». Một đời trước, những ai hay tuyên-bố hoặc chịu giả-mạo cái tấm lòng kính mến hết thảy những gì là « Cổ Việt-Nam », ấy là những người được tiếng là hợp-thời. Cái thái-độ mến « Cổ Việt-Nam » kể ra cũng có vẻ khả-quan lắm, cho nên đã khiến cho nhiều nhà chính-trị theo về khuynh-hướng đó. Cái thái-độ ấy, lại không phải là mười phần trái-ngược cả mười, vì dẫu cho tiến-hóa, cũng phải tuần-tự như tiến ; đi đường, có từng đê-dương ; ai dễ « nhầy vẹt » qua mấy độ đường được du ?

Song trọng quốc-túy không phải là cứ một mực phục liết thảy những cái gì gọi là quốc-túy ; phải mở mắt cho sáng, nhìn nhận cho rành ròi trong quốc-túy có những gì đối với đời nay chỉ là những đồ sống gửi sống nhờ, không có sinh-lực, không có ích-lợi gì, thì biết coi nó chỉ là những cái trở lực mà thôi.

Nguyễn-vọng thanh-niên... Nguyễn-vọng thanh-niên là những điều gì ? Tôi đã nói : Thanh-niên muốn tiến-bộ. . . Song hai chữ « tiến-bộ » là hai chữ cái nghĩa nó dễ bàn tán ra nhiều lối lối-

(1) Học Nam-Phong số 200 ngày 16 Juillet 1934.

Vậy trong vấn-đề cải-cách xã-hội và quốc-gia của người Việt-Nam ta giữa lúc này, thế nào là « tiến-bộ », ta phải nói rõ hơn.

« Thế nào là tiến-bộ » ? Các độc-giả xét những đoạn trên kia, tôi nói về nguyện-vọng dân quê, nguyện-vọng kỹ-lý, nguyện-vọng quan trường, cũng đã có thể hiểu hai chữ tiến-bộ đối với tôi có cái nghĩa thế nào. Nếu phải nói rõ ràng hơn, thì tôi không ngại gì những lời chỉ-trích và chế-nhạo vì rằng: chính tôi là thanh-niên, nay nói về thanh-niên, lập-luận sao khỏi thiên-lệch, mà xin nói rằng: tiến-bộ, nghĩa là trong khắp các giới, trong mọi trường hoạt-động phải nhường thật nhiều chỗ cho thanh-niên được hoạt-động. Trong hương-thôn, phải có nhiều thanh-niên làm tổng lý, kỳ-mục. Trong quan-trường, phải thêm nhiều các quan trẻ tuổi, đó chính là việc Chính-phủ muốn làm, và đang làm, đó chính là hợp với Thánh-ý, nhà vua Ngài đã ký đạo Dụ ở Dalat định sẽ mở kỳ thi kén chọn các quan mới. Dụ có một điều về kỳ thi đó ta nên phân trần ra: có lẽ chương-trình thi hơi cao quá nếu những người sẽ được tuyển chỉ được làm chức tri-huyện. Một kỳ thi khó như thế, tưởng nên định rằng ai đỗ cao thì có thể được nhận ngay chức tri-phủ hay là chức quan lĩnh (bổ-chánh) sau một thời-kỳ tập sự.

Những vấn-đề đó cũng chỉ là những vấn-đề riêng, giải-quyết theo cách nào, sẽ tùy ở cái phương-châm chung mà Chính-phủ định theo, định lấy làm gốc hết thảy các việc cải-cách trong chính-sách cai-trị nước Nam.

Mở đầu bài luận-thuyết này, tôi đã nói kỹ về cái tinh-thần thống-nhất, cái tinh-thần duy-nhất, tinh-thần hợp-nhất của quốc-gia, của dân-tộc ta.

Những sự tình-cờ của lịch-sử tuy đã làm cho ba kỳ tới ba trình-độ khác nhau và có ba chính-sách khác nhau về phương-diện chính-trị và cai-trị, nhưng cái quốc-hồn An-Nam từ Nam chí Bắc vẫn có một mà thôi.

Thế cho nên người An-Nam dẫu sao cũng không ưng một cái chính-sách « cắt đứt » Nam-kỳ ra, rồi làm cho Bắc-kỳ đi lùi lại để cùng một trình-độ với Trung-kỳ, lập thành ra một nước « Trung-Bắc ».

Nói đến một chủ-nghĩa như vậy, ai nấy đều ngờ, đều e. Đó lại là một cái chứng cứ nữa rằng nước Nam ta là một quốc-gia đủ tư-cách, một quốc-gia muốn giữ vững sự thống-nhất, sự hợp-nhất của mình. Muốn hợp-nhất mà không phải mượn đến cách thoái-bộ,— vì thoái-bộ là một cách trái với lẽ tự-nhiên, không thể có được—muốn tiến-bộ mà hợp-nhất, sự tiến-bộ lấy mục-đích như sau này: làm sao cho cả ba kỳ đều tới cái trình-độ cao-nhất của cuộc tiến-hóa mà một xứ trong ba kỳ đã tới được về phương-diện cai-trị, xã-hội, kinh-tế; cái xứ phải lấy làm gương làm mẫu, đó là Nam-kỳ vậy.

Nói như thế tất có người hỏi rằng: « Chức-trách và địa-vị của Nam-triều trong một cuộc tiến-hóa lấy Nam-kỳ làm chuẩn-đích, sẽ ra sao? » Đối với câu hỏi ấy, tôi xin đáp rằng: Nam-triều vẫn có cái địa-vị tối-cao, chức-trách tối-trọng. Như quan Thống-sứ Bắc-kỳ THOLANCE đã nói, trong lời diễn-văn của Ngài đọc khi cử-hành lễ bái-khánh hồi Hoàng-đế ngự Bắc-tuần: « Nhắc lại cái giầy liên-lạc dân ở dưới quyền Bảo-hộ với Chính-phủ Bảo-hộ, ấy tức là nhắc tới và mừng vì cái sự thân-thiện đó của dân Nam và Chính-phủ Bảo-hộ; sự thân-thiện này gồm sẵn

ở trong một lòng thành-thực tận-tụy với Nam-triều ; vì Nam-triều và Pháp-quốc, không bao giờ là không kháng-khít với nhau mãi mãi. Nam-triều là tiêu-biểu cho quốc-hồn Nam-Việt, cho sự liên-lạc dĩ-vãng với tương-lai, cho sự dung-hợp ôn-hòa trong cuộc tiến-hóa. Pháp-quốc ở đất này, có cái thiên-chức làm tỉnh-thức và giữ gìn cái tấm lòng yêu tiến-hóa, cái tấm lòng ước-mong và quyết-dịnh đi tới những kết- quả cần phải có ».

Trước-khi kết-luận, ta lại cần phải nói rõ rằng: trong việc giáo-dục thanh-niên, chớ nên sợ rằng thanh-niên sẽ quá tiêm-nhiễm Âu-hóa, sẽ vì Tây-học mà hóa ra vong-bản.

Mở ngay ở Hà-nội một trường Cao-Đẳng kiêm bị về Luật-học, về Y-học để cho học-sinh ít phải sang tận nước Pháp đó thật là một điều hay, ta nên ơn quan Toàn-quyền Pasquier ; nhưng nếu vì muốn hênh-vực các trường ở thuộc-địa có sẵn, mà đến nỗi làm khó-khăn cho sự xuất-dương du-học của thanh-niên An-Nam thì đó là một cái nhảm lớn. Những thanh-niên An-Nam ai có đủ tiền và có trí xuất-dương, — mà cả đến ai chỉ có trí có tài, — mà thiếu đồng tiền, — đều nên giúp đỡ cho người ta sang Pháp.

Vậy nhiều học-sinh An-Nam sang Pháp quá, mà muốn « hăm » bớt cái phong-trào ấy, vì trong bọn xuất-dương nhiều người thực không cần phải sang Pháp mà sang rồi chỉ thêm hại, — đó là một mục-dịch chán-dáng. — Nhưng « hăm bớt » mà thôi, chứ ngăn hẳn thì không nên.

Nhiều người nói rằng thanh-niên An-Nam sang Pháp rồi khi về chỉ có những tư-tưởng phương ngoại đến trật-tự xã-hội.

Nhưng nếu quả có thể, biết đâu chẳng tại lỗi cái trật-tự không thích-hợp với hoàn-cảnh mới, một cái trật-tự cần phải đổi thay, những nền-nếp cũ cần phải mềm-mại hơn, sáng-sủa hơn, thành-thực hơn xưa.

Trong những người du-học về, hẳn cũng có nhiều người chưa biết thu-thái những cái hay của Âu-hóa ; nhưng xét cái văn-minh cũ của ta, ta cũng phải công-nhận rằng có nhiều điều bây giờ không thích-hợp nữa, cần phải mượn văn-hóa mới làm cho những cái đó đừng có hại đến cuộc tiến-bộ của ta.

Vậy những người nào cho đi du-học, phải nên kén chọn cho kỹ, cho thật được nhân-tài ; nhưng cũng cần phải cho thật nhiều nhân-tài được trực-tiếp với cái văn-minh Pháp, với cái văn-minh Âu-Tây.

Thanh-niên An-Nam, ai nấy đều ước-ao được sang tới đất nước Pháp-Lan. Điều ấy kẻ lấy làm khen người lấy làm chê, kẻ lấy làm mừng người lấy làm lo, nói đến đã nhiều — Một phái thì e rằng bọn du-học xuất-dương càng nhiều thì mai sau càng có thể xảy ra cái nạn những người đi sau chẳng gìn giữ được cái tinh-thần của tổ-tiên một chút nào. Một phái thì tin vào cái bản-tính của giống nòi, mấy nghìn năm đã có kết thành thì dẫu cho đến bây giờ phải cả-quyết biến đổi để hợp thời, nhưng lẽ tất nhiên, biến-đổi nhưng vẫn không thể quên quốc-hồn quốc-túy không trái ngược với lịch-sử của giống nòi mình được.

Chúng tôi cùng một ý với những người ở phái sau đó.

Về vấn-đề thanh-niên du-học Pháp sau này sẽ lại xin bàn đến kỹ hơn.

HÀN TRU

TÔN-GIÁO VỚI ÁI-TÌNH



Lòng tin-ngưỡng là riêng của cá nhân, chứ không phải là chung của nhân-loại. Có người theo tôn-giáo, có người thờ chủ-nghĩa vô-thần.

Trong vấn-đề này, ta hãy bỏ cái thần-bí ra mà chỉ xét tôn-giáo về mặt triết-lý mà thôi

Ở đời, thường ai cũng có gặp cảnh trái lòng. Cảnh thuận thì ít, cảnh nghịch thì nhiều, chuyện vui thì ít mà chuyện buồn cứ mãi đồn-dáp đến. Thân ta, ta không làm chủ được, dầu cho một việc nhỏ-nhất nào đi nữa. Từ cái quyền sinh, sát, cho đến cái chuyện ăn uống hằng ngày, không có gì ta muốn mà được, hoặc tránh mà khỏi. Mỗi mỗi đều hình như có một cái sức mạnh thiêng-liêng nó chủ-trương, cái sức mạnh ấy, ta cảm mà biết như thế, chứ ta cũng không bằng-cứ vào đầu mà thuyết-minh được, mà chỉ nó ra cho đích-xác, tách-bạch, hân-hoai cho mọi người đều thấy, biết. Ta phải tuân theo cái sức mạnh ấy, sức ta không bao giờ đương nổi với nó. Tác họa, hay tác-phước, là cái quyền tuyệt-đối của nó.

Thành-thử, mỗi lần ta bị thất-bại trong một việc gì, việc mà trước khi đem ra thực-hành, ta đã nhiều suy-nghĩ kỹ-càng, đã nắm chắc trong tay cái kết-quả mỹ-mãn thì ta thất-vọng lắm. Rồi cái thất-vọng ấy cho ta tấm lòng sợ-sệt. Tấm thân mỏng-mảnh yếu-duối của ta như đã bị chi-phối trong cái vũ-trụ mạnh bạo lớn-lao kia. Tấm lòng sợ-sệt ấy mới phát-sinh ra lòng tin-tưởng. Ta tin rằng, trên cõi đời này, có một đấng

loàn-năng, toàn-trí, làm chúa-tể cả vạn-vật. Đấng ấy cầm trọn cái quyền gì thuộc về ta. Cũng ví như ta là một chiếc xe, mà đấng ấy là anh vận máy, muốn sai-sử ta thế nào, ta cũng phải theo cả. Một lần ta đã nghĩ đến như thế, ta càng sợ-sệt thêm. Ta càng tưởng-tượng rằng đấng ấy có những phép màu-nhiệm, thần-thông quảng-đại vô-cùng, để dành trời buộc ta vào vòng khốn-khở, mỗi lần mà ta ràng kiếm thế mà trái với cái mệnh-lệnh uy-nghiêm của đấng ấy.

Rồi cũng mừng-tượng như một đứa trẻ sợ người lớn, ta đã biết chắc thân ta, đời ta, đã không còn ý-nghĩa gì hết, đối với đấng ấy, ta chỉ còn có một cách là chịu thua. Ta phải đầu lụy phục-túng, để cho đấng ấy rủ lòng thương xót đến tận thân bất-tại hèn-yếu của ta, tác-phước, tác-ân cho ta nhờ. Lòng ta mỗi khi có một việc gì, khi vui cũng như khi buồn, khi hoan-nạn cũng như khi hoan-hỉ, đều có đấng ấy can-dự chứng-giám cho. Có thể ta mới còn gan dạ, còn an-đần, còn muốn sống mà ở đời. Thân ta, đã có người chủ-trương cầm cốt cho thì ta còn gì mà lo, còn gì mà sợ, còn điều gì nữa mà ngờ, mà không mạnh bạo hăng hái bước mau trên đường cảnh-ngộ, dầu là con đường chông gai: lắt-lẻo. Cái lòng tin-ngưỡng nảy sinh từ đó. Ban sơ, là ta tưởng-tượng ra như thế, để tự ta an-ủi lấy ta. Rồi lần lần vì quá tin-tưởng mà ta quên cái nguyên-nhân và quên đó là cái phương-tiện để giúp cho ta sống ở

đời, ta mới vượt vòng triết-lý mà qua tới cõi thần-bí. Ta cứ tin-tưởng rằng duy chỉ có một đấng mà ta đang tôn-sùng tín-ngưỡng đây là linh-thiên, là huyền-diệu, đủ tài, đủ trí mà cứu khổ, cứu nạn cho mọi người. Ta quên rằng cũng còn có kẻ khác, kẻ chung quanh ta, kẻ đã bị đau khổ như ta cũng đang tưởng-tượng như ta : cũng có một đấng chi-tôn riêng cho họ, như ta vậy. Ta khoe-khoang binh-vực vị thần-linh của ta, người khác khoe-khoang, binh-vực vị thần-linh của họ, mà cả hai cũng vì muốn cho người ta theo mình được tiên lai, thoát khổ. Sở-dĩ thế mà có nhiều tôn-giáo, và có phe đảng trong tôn-giáo. Rồi ta mới sinh ra lòng tự-kỷ, cái lòng ấy nó giục ta, bảo ta, không dung được những người nào khác tôn-giáo với ta, hoặc những người sống trơ-trọi vô-thần. Ta biệt-lập ra một thế-giới riêng, ta sống trong cái cõi hư-vô mẫu-nhiệm của đấng chi-tôn ta cai-trị, ta chỉ có biết, có thương những người nào cùng một tôn-giáo với ta, Ấy cái lòng tự kỷ hẹp-hòi ấy nó đã sinh ra biết bao là điều khốc-hại giữa tôn-giáo với nhau và lẫn cả người ngoại-giáo nữa. Cái kết-quả gieo chanh rắc ớt đó những ai là người có đọc qua lịch-sử nhân-loại đều nhận thấy cả.

Đây ta chỉ xét về một phương-diện rất thường, là cái ảnh-hưởng của tôn-giáo đối với ái-tình, và cái kết-quả của nó đối với thời-thế ngày nay.



Ta đã nói, bởi cái lòng tự-kỷ nhỏ-nhen kia, mà ta không dung được người nào khác tôn-giáo với ta, hoặc kẻ thờ chủ-nghĩa vô-thần. Ta không dung được, nghĩa là ta không sáo ăn chung ở lộn với họ được. Thì lẽ tự-nhiên là

ta không sao thương yêu mà lấy làm vợ làm chồng được. Mà dầu ta có thương đi nữa, thì cái luật-lệ gât-gao của tôn-giáo cũng ngăn-cấm ta. Nhưng trước thì thế. Nay thì có khác và có lẽ từ đây càng ngày càng khác. Đời nay là đời cá-nhân chủ-nghĩa thịnh-hành. Ở đời, ta lo tìm cái khoái-lạc cái hạnh-phúc cho thân ta là đủ. Cá-nhân hạnh-phúc là cần.

Như trên ta đã nói, lòng tín-ngưỡng là riêng của cá-nhân, mà lòng thương yêu mới thực là chung của nhân-loại, đời ta, ta có thể không tín-ngưỡng được, chớ ta không thể không thương yêu được. Ta tín-ngưỡng là ta muốn tìm cái hạnh-phúc trong tôn-giáo. Ta thương yêu là ta muốn tìm cái hạnh-phúc trong ái-tình. Cũng là con đường hạnh-phúc cả. Nhưng lâm-thời, ta có thể bỏ đạo này theo đạo khác được, hoặc là bỏ hẳn, không theo đạo nào cả cũng được. Duy lòng ta, một lần đã thương yêu, thì không sao mà dứt bỏ cho được.

Ta có thể tin và quyết rằng ái-tình mạnh hơn tôn-giáo. Ta tin như thế, là nhờ ở sự kinh-nghiệm hằng ngày ta thấy, hay là ở cái lý-trí phán-đoán cho ta biết. Cái lòng tín-ngưỡng là tin ở một sự huyền-ảo mơ-màng không có bằng-cớ thực-nghiệm. Ta tin ở tôn-giáo là một cách để ta ở đời cho được an-đần, cho có nghị-lực, sau khi mà ta đã bị nhiều thất-vọng é-chề, chán-nẫu trên cõi đời, và ta không còn ai để an-ủi, đỡ-dành khuyên-lơn hay là giúp-dáp ta nữa. Nay vì như trong lúc vắng vẻ, bơ-vơ ấy, mà có ai cho ta một lời tâm-sự thành-thực thì đủ cho ta vui vẻ mà sống ở đời ngay, khỏi cần cầu-cứu ở đấng chi-tôn, hay tự an-ủi đỡ-dành trong khuôn thần-bí. Ta tin ở tôn-

giáo, ta ví cái tôn-giáo như là cái kho năng-lực của ta. Cái kho ấy cho ta mãi mãi cái năng-lực để phấn-đấu với đời. Ta chữa chán đời hẳn, mà ngay kiếp này, ta muốn tu cho tâm linh-hồn ta được trong sạch mát-mẻ, cho lai-sinh được thanh-thời sung-sướng. Ta sống với người trong xã-hội đương-thời, chỉ ta còn muốn hoạt-dộng mãi. Vậy thì cái gì cho ta cái sức hoạt-dộng được, thì ta cứ tìm cái sức ấy. Ta gặp ngay cái sức ấy trong ái-tình. Có bằng-cớ hiển-nhiên cho ta thấy rõ.

Sinh ra, đến tuổi trưởng-thành, trai gái đều biết yêu nhau. Cái lòng yêu tự-nhiên có của nhân-loại. Cái lòng tin-ngưỡng chẳng phải là tự-nhiên mà có, mà chính là của ta rước lấy, tìm lấy, trong khi ta chầu-nấn, hay cũng có khi vì ta bắt buộc theo người khác.

Có người tất có ái-tình. Thì ái-tình đối với người, rào phải đâu là không có quan-hệ mật-thiết, như nước đối với cây. Có cây, phải có nước. Không nước, cây không sống được. Mà dầu có sống đi nữa thì cũng là sống một cách khô-khan, cằn-cộc, bệnh-hoạn yếu đuối. Người Âu cũng thế. Sống được mạnh-mẽ vui-vẻ là còn ái-tình. Không ái-tình, dầu có sống đi nữa thì cũng là một cái đời ử-rũ buồn rầu. Cái gì tự-nhiên thì bao giờ cũng mạnh. Vậy thì ái-tình phải gần ta hơn tôn-giáo, phải sinh ra trong lòng ta trước hơn là khi ta có cái quan-niệm về tôn-giáo. Vậy thì cái nguyên-động-lực thứ nhất cho ta sống ở đời là ái-tình, mà cái nguyên-động-lực thứ hai mới là tôn-giáo. Cái thứ nhất là tự-nhiên ta có, ta phải có. Cái thứ nhì, ta có hay là không có nữa cũng nên. Như thế thì có lẽ nào mà ta để cho cái tôn-giáo đàn-áp ái-tình, và không còn để cho ta cái quyền tự-do thương yêu.

Ta đã yêu ai, và ta đã được ai yêu lại, thế là đủ cho ta sống, sống một cách mạnh-mẽ hăng-hái. Ta còn người yêu, thì ta còn muốn hoạt-dộng, còn muốn phấn-đấu, tranh-dành. Ta cùng người yêu, nương nhờ nhau, ảnh-hưởng nhau, mà chia vui, xẻ buồn cùng nhau.

Nếu ta ví cái tôn-giáo của ta như một cái nhà thương, để dành cho mỗi khi bệnh-hoạn ta vào đấy chữa trị, và ví ái-tình là hoàn thuốc để ta cầm cho khỏi các bệnh-tật, thì ta sẽ chọn lấy bên nào? Tất-nhiên là ta cầm hoàn thuốc vậy! Phương-chi tôn-giáo là vô-hình mà ái-tình ta có thể cho là hữu-hình được: người yêu của ta chính là cái hình-dung của ái-tình đó vậy.

Nếu ta hiểu tôn-giáo về phương diện triết-ly, đừng để cho ta phải bị bó-buộc dưới cái luật-lệ thần-quyền, thì cái vòng chật-hẹp nhỏ-nhen, ích-kỷ của tôn-giáo không còn nữa. Đường ấy ta có thể đang thờ đạo này mà ta yêu một người khác đạo với ta, hay là một người không có đạo gì cả.

Mục-dịch ở đời là tìm cái sung-sướng, thì cái gì cho ta thỏa-thích, sung-sướng, hởi dạ vui lòng được là đủ cho ta rồi. Phương-chi thời-đại này là thời-đại cá-nhân chủ-nghĩa. Cái gì cũng là riêng cho một người. Ai cũng tìm cái sướng, cái vui, thì cái cá-nhân hạnh-phúc rất cần, cần trước hết cả. Vậy thì cái vòng rào của tôn-giáo làm ngăn trở cái ái-tình của người đời, có lẽ rồi đây cũng phải bị lung-lay mà đổ nát.

Lẽ đại-phối của đức Bảo-đại hôm 20 Mars vừa rồi, rất có ý-nghĩa hay về « tôn-giáo với ái-tình » và sau này rất có ảnh-hưởng sâu-xa về thời-thế, và trong cuộc đời tình-ái của mỗi người.

TRÚC-Phong

(Học-trò trường Tri-đức học-xá Hà-lên)

THÌ RA ÔNG TỬ-LY PHÙ ĐẠO KHÔNG

Phong-hóa số 108 ra ngày 27-7-1934, ông Tử-Ly đã trả lời bài « Dịch và giải lại câu sách Luận-ngữ cho báo Phong-hóa » của tôi trong Nam-Phong số 199.

Xem bài đáp thì Tử-Ly là quí-tính đại-danh chứ không phải là hiệu. Thế mà nhiều người cứ lầm. Vâng thì ngài là Tử-Ly.

Bài ấy ông Tử-Ly cãi hết mọi lẽ của tôi, ông biện-nạn có nhiều khoản lắm, nếu trả lời cả vào một bài này thì dài quá. Vậy hãy xin trích mấy khoản yếu-cần phúc-dáp trước, còn xin để bài sau.

1

Bài ấy, đề là « Nhà Nho tương-lai », ông Tử-Ly lấy chữ trong bức họa « Bàn văn luận đạo » của tôi. Vì tôi tin thuyết «Đời không có kim», ông Tử-Ly cho rằng không có kim thì không có ông Nguyễn Trọng-Thuật, bèn gọi tôi là nhà Nho tương-lai. Nhưng ông Tử-Ly lầm, cái « Nguyễn Trọng-Thuật » với cái « kim » hai cái nó khác hẳn nhau kia mà, đã có lời biện-luận rõ dưới này, xin xem sẽ tường.

2

Bài của tôi có chua mấy tiếng Pháp, ông Tử-Ly nói: « Người biết ít nhiều chữ Nho thì hay dẫn điển Tây, biết chữ Tây lại hay dẫn điển Tàu, làm ra vẻ thông-thái hoàn-toàn ». Tôi tưởng như thế cũng là vì sự tiến-hóa, sự nhu-yếu trong cõi học, bắt buộc người ta không thiệp-liệp không được. Miễn là đừng

dẫn sai, dẫn nhầm thì thôi. Ấy thế mà chính trong bài « Nhà Nho tương-lai », ông Tử-Ly lại dẫn đầy cả những chữ Pháp chữ Hán, nhất là chữ Hán viết bằng văn quốc-ngữ mà từng đoạn dài thế-thế. Chưa nói những chỗ dẫn ấy đúng hay không thế nào, nhưng xem đó thì có lẽ ông này mới chính-thức là hoàn-toàn biết cả hai thứ chữ, có môn-bài được đọc-quyền dẫn đến hai thứ chữ đó.

3

1.— Nguyên-văn đoạn trên bài trong mục « Bàn ngang » ở Phong Hóa số 98, ông Tử-Ly viết :

« Hôm nọ tôi lên cầu sông Cái hóng « mát, nhân ngắm dòng nước chảy lại « nhớ đến đức Khổng ngày xưa, buột « mồm mà than rằng :

« Thế giá như tư phủ, bất xả trú dạ ».

(Đêm ngày cứ chảy luôn như thế mãi).

Cứ văn-thế của chỗ tự-sự ấy như thế, tôi bảo hai chữ « buột mồm » là ông chỉ về Khổng-tử. Nay ông Tử-Ly cãi rằng đã có cái dấu phẩy ngăn đi thì hai chữ « buột mồm » ấy không phải là chỉ về Khổng-tử, tức là chỉ về ông. Thế nhưng lời than ấy vốn của Khổng-tử đã vì cái cảnh nước chảy cũng giống như chỗ ông dùng mà than ra, chứ không phải là lời than mới của ông, thì hai chữ « buột mồm » ở đấy không về Khổng-tử còn về ai được. Cái dấu phẩy ấy của ông nó chỉ

bớt đi cho ông được khỏi phải dùng chữ « Ngại » để nối hai phần câu chỗ ấy lại mà thôi.

Ông Tử-Ly có dẫn một câu tiếng Pháp như: *Le maire dit: l'inspecteur est un âne* (ông Lý bảo ông Thanh-tra là con lừa). Đến khi thêm hai dấu phẩy vào thì phản-nghĩa đi: *Le maire, dit l'inspecteur, est un âne* (ông Lý, ông Thanh-tra bảo thế, là một con lừa).

Song cứ xem ông tử-dụ đấy, thì ở câu tiếng Pháp chỉ thêm hai dấu phẩy mà làm phản được nghĩa đi; còn ở câu tiếng ta thì phải thêm chữ và đặt lại một phần câu mới khác được nghĩa đi kia mà. Vậy cứ như câu tiếng ta: « Ông Lý bảo ông Thanh-tra là con lừa », mà đừng đặt lại và thêm gì, tôi đố ông Tử-Ly dùng đến bao nhiêu dấu phẩy mà phản được nghĩa đi. Vì mỗi thứ tiếng, cách nói một khác.

Như vậy, ông Tử-Ly muốn bắt-chước nhại lại lời than của người xưa vì cảm một điều trông thấy ở một chỗ cũng như chỗ ông bây giờ, thì đoạn tự-sự ấy ít ra phải thêm hai chữ « lời » và « cũng » vào như thế này:

«... nhớ lại lời đức Khổng khi xưa, « buột mồm mà « cũng » than rằng: « Thệ giả như tư... »

Như thế thì hai chữ « buột mồm » mới là chỉ về ông được. Mới là ông than lại lời than của Khổng-tử được. Bằng không có hai chữ ấy thì chỗ ấy chỉ là Khổng-tử than mà thôi. Văn-lý rõ ràng-rành ra đấy, không phải là tôi cãi cố. Ông bảo tôi « từng-bé » vào chỗ làm... làm bùn, thì chính là tại cái bút... bút của ông kéo tràn đi.

4

Ông Tử-Ly dịch: « Thệ giả như tư phù, bất xá trú dạ » ra: « Đêm ngày

cứ chầy luôn như thế mãi ». Rồi ông phê một cách trào-phúng rằng: «... có thánh-nhân mới phát-minh ra rằng nước sông cứ chầy hoài... cho đến lúc cạn ».

Vì thế tôi bảo, tại ông cho chữ « thệ » là chầy (nước) mà dịch như thế là lầm. Chính hai chữ « thệ-giả » ở đấy nó chỉ về sự biến-hóa của vạn-vật, mà nghĩa đều là «những việc đang đi qua». Nhưng nay ông Tử-Ly không chịu, lẽ cố-nhiên. Ông nói đại-khái cứ dịch như ông mà hiểu nghĩa bóng cũng được. Nhưng nghĩa bóng là nghĩa không chắc, bất-đắc-dĩ. Đấng này câu « thệ-giả » nó tự lộn nghĩa tử-dụ rồi kia mà. Vậy xin xem lại chỗ ấy trong bài của tôi trước (Nam-Phong số 199).

5

Ông Tử-Ly cho rằng tôi dịch chữ « 夫 phù » trong câu « thệ-giả » ra là «chănq» là không phải. Ông có cử ra hai câu « 夫夫也 » và « 命矣夫 » để vạ tôi mà tỏ ra những chữ « 夫 » ấy như thế thì có là «chăng» đâu.

Nhưng chính chữ « 夫 phù » trợ-từ ở gót câu trong sách Luận-ngữ như: « 命矣夫 mệnh hi phù » « 有矣夫 hữu hi phù » đều là ý chưa quyết hết: « Vậy ôi? dư? chẳng?» cả. Xin ông xem lại. Còn ông dẫn như 夫夫也, 命矣夫 thì hình như ông vội-vàng nên lầm chữ nọ ra chữ kia thế nào ấy. Xin để ông tự cải-chỉnh lấy.

6

Ông Tử-Ly không nhận cái nghĩa « Đời không có kim » của HÉRACLITE mà tôi đã dẫn để chứng với cái nghĩa Thệ giả... ». Ông Tử-Ly nói: «... cho dẫn đến mười HÉRACLITE ra, tôi, ông và mọi người vẫn tin rằng có hiện-tại, có tôi, có ông, có ông Nguyễn Trọng-

Thuật : Thế thì triết-ly của ông Túr-Ly hách thật, chấp mười HÉRACLITE. Nhưng có lẽ nóng-nảy chăng? Thành ông nói gà bà nói vịt chăng?

HÉRACLITE nói « đời không có kim » là chỉ về nghĩa présent của thời-gian, còn ông Túr-Ly nói có ông có tôi thì nó thuộc về nghĩa existence của không-gian kia mà. Về không-gian thì tôi (Nguyễn Trọng-Thuật), ông, mọi người, địa-cầu, các vì sao, đều là có cả chứ sao lại không. Còn như thời-gian thì nó liên-miên dằng-dặc, không có đầu đuôi gì. Tuy người ta có phân ba tên : quá-khứ (Passé), hiện-kim (Présent) và tương-lai (Futur), để đánh dấu từng quãng mà gọi tạm đó thôi, chứ thực thì nó vẫn không nhất-định. Ấy thế rồi, sự-vật (như ông, tôi) cứ phải theo nó mà biến-đổi luôn mà khác đi, như ý ông đã giải cho câu « thế-giả » đó. Nó đã biến-đổi mà biến-đổi luôn thì còn ngừng lại lúc nào mà còn có thành, có kim. Cho nên đừng cố-chấp cho hễ cái gì là kim thì là toàn-mĩ mà giữ mãi. HÉRACLITE còn nói : « Vừa bảo việc này là kim thì kim ấy đã cũ rồi. Và xét cho tình, không những cái thời-gian của lời nói, mà đến cái sự đang nghĩ, mình cho thế là kim, thì nó cũng lướt qua ngang đi rồi ».

Còn như Khổng-tử thì cũng nói : « Thầy Hời này vừa biết ra là mới mà chớp mắt nó đã cũ rồi. 回也見新，交臂已故 ». Vì thế Khổng-tử đối với việc đời không cố-chấp mà nói : « Biến-thông là để cho kịp với thời 變通者

應時者也 ». Thế là ý Khổng-tử cũng nhận đời « không có kim ».

Khổng-tử khuyên đời biến-thông mà đời không biến-thông thì có phải là tội tại Khổng-tử đâu.

Ông Túr-Ly bảo tôi không dẫn lời khác của Khổng-tử mà cũng ý không có kim để ông rõ. Thì đây tôi dẫn đây. Nhưng đó là do ông Nghiêm-Phục bên Tàu dẫn vào sách « Thiên-diễn-luận » mà người ta đã công-nhận rồi, chứ không phải là tôi tự biết được như thế.

7

Cuối bài, ông Túr-Ly viết cái đầu-dề rằng : « Thuyết thiên-diễn với đức Khổng », rồi ông nhắc lại lời ông đã giải nghĩa cho câu « thế-giả » ở bài trước :

« Ý Phu-tử cho sự-vật biến-đổi luôn »

Lấy lương-tâm thờ sự thực, tôi xin phục ông Túr-Ly giải thế là đúng. Đúng với nghĩa câu « thế-giả », với nghĩa thiên-diễn ở cái đề trên ấy. Vậy bỏ lời phê đi mà nhận lời giải nghĩa ấy, thì ra ông Túr-Ly lại là « hàn học » chứ không phải là « bàn ngang ». Ông cho tư-tưởng Khổng-tử là tư-tưởng thiên-diễn, sự-vật biến-đổi luôn, thế thì đạo Khổng lại cũng còn nhiều chỗ còn hợp-thời. Thế thì ra ông này lại chính là một viên kiện-tướng ở trong báo Phong-hóa mà phù đạo Khổng, công-nhiên phản-đối với Tự-lực Văn-đoàn đang làm việc bài-trừ đạo Khổng.

Nguyễn Trọng-Thuật



KHẢO VỀ LỊCH-SỬ CHIÊM-THÀNH



Quốc-hiệu Chiêm-thành 占城 trước gọi là Hồ-lôn, thống-thuộc bộ Việt-thường-thị 越裳氏, vào đời nhà Tần, đổi tên là Lâm-ấp 林邑, thuộc quận Tượng-quận 象郡, sang đời Hán gọi là huyện Tượng-lâm 象林, thuộc quận Nhật-nam 日南.

Đến đời Thuận-đế Hậu-Hán, niên-hiệu Vĩnh-hòa thứ 2 (137) người quận ấy tên là Khu-Liên 區連 giết ông Huyền Tượng-lâm, chiếm-cứ lấy đất, bắt đầu tự xưng vua Lâm-ấp, truyền được vài đời, không có con nối, vì thế cháu ngoại là Phạm Dật 范逸 được kẻ lên trị-vì. Sau khi Phạm Dật chết, người gia-nô là Phạm-Văn 范文 cướp ngôi, kiêm-tính cả nước láng-diềng, khu-vực của nước Lâm-ấp mới lớn dần thêm ra, thống-quản được 38 châu. (Phạm-Văn là gia-nô của Phạm-Dật, thường đi chăn dê, chợt bắt được con cá chép ở khe, bồng chốc con cá ấy hóa ra tấm sắt, dùng rèn làm thành con dao, ông Phạm-Văn ngửa mặt lên trời khấn rằng: « Nếu con dao này chém đá mà đá vỡ tan ra được thì ta có thể làm vua trong nước ». Rồi ông chém vào đá thì đá vỡ ngay, ông mới lấy làm kinh-dị, từ đó ông cướp ngôi họ Phạm và đánh phá những nước lân-cận).

Đời Mục-đế nhà Tấn, niên-hiệu Vĩnh-hòa thứ 3 (347) Phạm-Văn đem quân đánh hãm quận Nhật-nam, chiếm-cứ đất ấy rồi yêu-cầu với Thứ-sử Giao-châu là Chu-Phồn để lấy núi Hoành-son về phía bắc quận Nhật-nam làm

quốc-giới, nhưng Chu-Phồn không thuận cho. Đến hồi Phạm-Văn chết, con tên là Phật lên nối ngôi, vẫn cứ đồn-trú ở Nhật-nam, sau phải Thái-thú quận Cửu-chân là Quán-Toại đánh đuổi đi, rồi lại trở về Lâm-ấp.

Niên-hiệu Nghĩa-bi thứ 9 (413) vua Lâm-ấp là Phạm Hồ-Đạt 范胡達 cướp phá quận Cửu-chân, quan Thứ-sử Giao-châu là Tuệ-Độ đánh giết mất.

Trong khoảng niên-hiệu Nguyên-gia nhà Tống, vua Lâm-ấp Phạm Dương-Mại 范陽邁 sai sứ sang Tàu cống-hiến cầu lĩnh đất Giao-châu, nhà Tống không cho, vua Lâm-ấp lại cướp phá như trước.

Nhà Tống sai bọn Đoàn Hòa-Chi và Tôn-Xát sang đánh, Dương-Mại thua chạy, chỉ trốn thoát được một mình.

Đến đời Phạm Lập-Chí 范立志 cướp phá quận Nhật-nam, vào niên-hiệu Đại-nghiệp nguyên-niên triều Dương-đế nhà Tùy (605) sai quan Tổng-quân Hoàng-châu là Lưu-Phương đem quân đến đánh, quân đi qua sông Hồ-lê rồi từ chỗ Đổng-trụ tiến vào hết tám ngày mới đến quốc-dô Lâm-ấp, vừa vào thành, lấy được 18 hình người đúc bằng vàng, nghĩa là biểu chứng đã trải 18 đời vua vậy.

Từ đó Lâm-ấp phải thống-thuộc vào nhà Tùy, nhà Tùy mới chia ra Tỷ-cảnh, Hải-âm, Lâm-ấp làm ba quận.

Đời Đường cải Lâm-ấp làm Lâm-châu, Tỷ-cảnh làm Cảnh-châu, Hải-

âm làm Sơn-châu. Đến niên-hiệu Trinh-quán thứ 2 (629) cháu Phạm-Chí là Phạm Đầu-Lê 范頭黎 phục-quốc lại, bèn sai sứ sang cống châu-báu và chim anh-võ ngũ-sắc với thông-thiên-tê-giác. ●

Đầu-Lê chết, con là Trấn-Long nối ngôi, không bao lâu bị bọn Ma-Kha-Mạng giết chết, người trong nước lập cháu Đầu-Lê là Gia-Cái-Địa lên làm vua, hiệu là «Hoàn-vương 環王».

Đầu niên-hiệu Nguyên-hòa (806) cướp phá châu Hoan, châu Ái, quan Đô-bộ An-Nam là Trương-Chu đánh phá tan-nát cả, mới phải hạ bỏ Lâm-ấp mà dời sang đất Chiêm, quốc-hiệu là Chiêm-thành.

Năm đầu niên-hiệu Hiền-dức nhà Chu (954), vua Chiêm-thành là Thích-Lợi sai sứ sang cống-hiến. Đến niên-hiệu Càn-dức về triều Tống, cũng có sai sứ sang Tàu.

Vào khoảng triều Đinh nước Việt ta lập-quốc, Chiêm-thành đến lần cướp tại động Hoa-lư, vừa đi ngang qua cửa bể Đại-gia, gặp phải gió bão, quan quân chạy tán-loạn cả, sau lại bắt bọn sứ-thần nhà Lê mà giam-cầm. Vua Đại-Hành tự đem quân đến đánh, giết chết tướng Chiêm ở trận rồi phá tan thành nước ấy.

Đầu đời Lý, Chiêm-thành lại đến lần cướp. Đến năm Thánh-võ nguyên-niên (1044), vua Thái-tôn đi thân-chinh Chiêm-thành, vua Chiêm là Sa-Đầu bày trận-tuyến ở sông Bồ-chính, vua Thái-tôn đốc quân giao-chiến, chém được Sa-Đầu rồi quân nhà Lý kéo thẳng vào thành Phật-thệ, bắt cả vợ con tôi tớ của Sa-Đầu hơn 4000 người đưa về cho ở trấn Vĩnh-khương với Đãng-châu (nay là Qui-hóa) phỏng

theo cựu-hiệu Chiêm-thành mà đặt ra những làng này xóm khác.

Niên-hiệu Long-thoại thứ 2 (1055), vua Chiêm có sai sứ vào cống-hiến, sau lại trái mệnh vào cướp phá. Vua Thánh-tôn mới đi thân-chinh bắt sống được vua Chiêm-thành là Chế Củ đem về. Chế-Củ xin hiến Địa-lý, Ma-linh và Bồ-chính ba châu, để chuộc tội, vua Thánh-tôn mới tha cho trở về nước.

Niên-hiệu Thái-ninh thứ 4 về triều Nhân-tôn nhà Lý (1075) vua sai ông Lý Thường-Kiệt đi xem xét hình-thế ba châu kia rồi đổi tên Địa-lý là châu Lâm-binh, Bồ-chính là châu Bồ-chính, Ma-linh làm châu Minh-linh, mà chiêu-tập nhân-dân cho ở những châu ấy. Chế Củ chết, Chế-Ma-Na lập, rồi lấy lại ba châu mà ngày trước đã hiến cho triều Lý đó. Niên-hiệu Long-phù thứ 4 (1104) Lý Thường-Kiệt đem quân đánh, Ma-Na phải hiến- nạp lại ba châu kia cùng dâng các phương-vật khác nữa.

Về triều Thần-tôn, Chiêm-thành cũng với nước Chân-lạp cướp phá ở Nghệ-an, quân Thái-úy sở-tại đánh cho phải thua chạy.

Niên-hiệu Đại-dịnh thứ 13 về triều Anh-tôn (1152) vua Chiêm-thành là Ung-minh-la-diệp thân đến cửa khuyết xin vua nhà Lý phong cho làm quốc-vương, nhà vua sai quân đưa về nước, về đến nơi thì Chế-bi-la-nhĩ chống-cự giết mất. Sau vua Chiêm cứ cướp phá Nghệ-au mãi, thường dùng thuyền bè quân lính vào xâm-nhiều dân-cư ở ven bể.

Vua Thái-tôn nhà Trần vừa lên ngôi, sai sứ-thần đến dụ thì vua Chiêm cũng có vào cống-hiến và xin trả lại đất cũ. Niên-hiệu Nguyên-phong thứ 2 (1252) vua Thái-tôn thân-chinh bắt

quốc-vương là Lũ-bổ-gia-la và thần-thiếp đưa về nước; trái đến triều Thánh-tôn, lệ cống-hiến không khi nào khuyết.

Niên-hiệu Hưng-long thứ 14 về triều Anh-tôn (1306) quốc-vương là Chế Mân sai sứ đến cầu-hôn rồi xin sẽ nạp 2 châu là châu Ô, châu Lý để thay làm sính-vật, vua Anh-tôn bèn ban gả cho công-chúa Huyền-Trần, rồi cải hai châu Ô, Lý làm Thuận, Hóa, chọn lựa người, đặt quan-chức để quản-trị, đến khi Chế Mân chết, vua nhà Trần lại dùng mưu chước mà đoạt bà Huyền-Trần về.

Đến sau, Chiêm-thành lại trái mệnh, vua Anh-tôn thập-chinh bắt Chế Chí đưa về phong cho làm vua Hiệu-thuận, lại lập người em là Chế Đà-a-bà-niêm làm Á-hầu, khiến trấn-thủ lấy đất.

Niên-hiệu Thiệu-phong thứ 2 về triều Dụ-tôn (1342) Chế-a-nan chết, con rể là Trà-hòa-bổ-đề đuổi thế-tử Chế-mỗ mà tự-lập. Chế-mỗ chạy vào cáo với vua Trần, vua sai đưa về nước, lục-quân tiến đến Cồ-lũy, thủy-quân tiến chưa kịp, bèn trở về, rồi Bồ-đề cướp phá ở Hóa-châu. Năm Đại-trị thứ 9 (1366) lại cướp phá ở Lâm-binh, quan tri-phủ quận ấy chống-cự, vua Chiêm phải thua. Năm sau, khiến người tôi là Mục-Bà-Na đến xin biên-giới Hóa-châu lại. Vua Dụ-tôn sai Trần Thế-Hung đến đánh, bị thua.

Niên-hiệu Thiệu-khánh thứ 2 về triều Nghệ-tôn (1371) nước Chiêm vào cướp phá đô-thành, niên-hiệu Long-khánh thứ 4 (1376) vua Dục-tôn thân-chinh vừa đến cửa bể Thi-nại, động Ý-mang, Chế Bồng-Nga trá hàng rồi đón đánh, vua Dục-tôn băng ở trận.

Kế đó thường vào cướp phá ở Thanh, Nghệ, ba lần phạm đến đô-thành, vua nhà Trần phải ra ngoài lánh nạn.

Năm Quang-thái thứ 3 triều Thuận-tôn (1390) quan thượng-tướng Trần Khát-Chân đánh ở trận Hải-triều, tiếng súng phát ra long trời lở đất, Chế Bồng-Nga trúng phải đạn chết, bọn tướng-tá là La-Khải dẫn quân về giữ lấy nước tự-lập, con Bồng-Nga là Ma-Nô đã chạy đến cầu cứu, vua Trần phong cho tước hầu. La-Khải chết, con là Ba-Địch kế.

Hồ Hán-Thương cử đại-đội đến đánh, chém đại-tướng Chế Tả-Nang, Ba-Địch cả sợ, khiến người cậu là Bồ-Điền vào cống-hiến mấy thớt voi mà hiến luôn những đất ở Chiêm-động, để xin lui quân.

Bồ-Điền đến nơi, Hồ Hán-Thương hiệp khiến người Chiêm hiến-nạp luôn cả động Cồ-lũy, nhân đó chia đất làm Thăng-hoa, Tư-nghĩa bốn châu, đặt chức An-phủ-sứ Thăng-hoa-lộ để quản-trị, lại đặt thêm trấn Tân-ninh, dời dân đến ở.

Hai đời Hồ đã diệt rồi, Ba-Địch lại đến chiếm-cử Thăng-hoa là nơi cố-địa, Ba-Địch lại chết, Bồ-Đề kế.

Đến triều Lê Thái-tổ, nước Chiêm-thành thường sai sứ vào triều cống, Bồ-Đề chết, Ma-A-Bôn-Cai kế, vào khoảng năm Thái-hòa (1446), đem hầu hết người trong nước đến cướp phá, vua Nhân-tôn sai ông Lê-Thọ dẫn 600.000 quân đến đánh thành Đờ-bàn, bắt Bôn-Cai về. Người trong nước lập châu Bồ-Đề là Ma-A Qui-Do, bỏ tù Qui-Lai mà tự-lập, sai sứ vào cống phương-vật, vua Nhân-tôn khước đi không nhận, rồi sai sứ thần đến dụ và đòi trả những người lúc trước bị bắt.

Chiêm-thành mới giao lại bọn Trình Nguyên-Đĩnh là 70 người.

Không bao lâu người Thi-nại Ma-A-Ban-La Trà-Duyệt giết Quý-Do mà đoạt nước Chiêm, rồi truyền cho em là Bàn-La-Trà-Đổng.

Năm đầu Hồng-đức (1470), Trà-Đổng dẫn quân bộ 100.000, toan vây-học Hóa-châu. Tin cáo-cấp đến, vua Thánh-tôn thân đem châu-sư 1000 chiếc ; tinh-binh 700.000 người, giết chết 40.000 người và bắt sống Trà-Đổng, lấy đất Chiêm-thành đặt ra Quảng-nam Thừa-tuyên và Thăng-hoa. Trà-Đổng đi đến sông Thiên-phái lo thẹn mà chết, vua truyền lệnh chém lấy đầu treo trên ngọn cờ và để vào lá cờ : « Đầu tên nguyên-ác Chiêm-thành là Trà-Đổng ».

Trà-Đổng chết rồi, tướng Trà-Đổng là Bồ-Tri chạy đến Phan-long, giữ lấy đất ấy tự xưng Chiêm-thành-chúa,

quốc-giới năm phần chỉ còn một, sai sứ vào cống-hiến, vua Lê phong làm quốc-vương, lại phong hai vua kia là Hoa-anh và Nam-hàn là 3 nước để có ý co-mi, không được tự-do hành động.

Đến năm thứ 3, con Trà-Đổng là Trà-Toại làm phản, trốn vào núi, lại sai sứ sang Tàu cầu phong với vua Minh. Vua Thánh-tôn sai Lê Niệm đem quân đến đánh bắt Trà-Toại đem về giam ở cửa Bửu-khánh, gần 30 năm, Trà-Toại chết. Trong khoảng Cảnh-thống (1500) về triều Hiến-tôn, con Trà-Toại là Trà-Phước lấy trộm hài-cốt Trà-Toại về, lại sai sứ cầu viện với nhà Minh và dự-bị lương thuyền rất nhiều. Vua Uy - mục bèn sai Lý Tử-Vân vào Quảng-nam kinh-lý việc biên-luỹ, rồi việc cầu viện của Trà-Phước lặng không nói đến.

(Còn nữa)

H. C. T.



LÁI MỘT HỎA HAI



Những người hay đi vay nợ lãi ở vùng huyện Lâm, chắc không ai là không biết tiếng ông Hàn Trái. Ông ta thật được như câu ngạn-ngữ : « có gan làm giàu » cho nên trước kia bữa ăn không đủ mà trong mười năm trời vay, ông đã làm nên có đến hàng vạn.

Hồi ấy ông còn là một người lái trâu kiết, cứ đến ngày buổi chợ ông ra chỗ chợ trâu, thấy ai mà cả mua trâu bò ông cũng nhẩy vào mời-chài mua tranh, nếu người kia có muốn mua con trâu ấy thì phải trả ông một hai đồng, ông buôn bán như thế tuy mỗi phiên chợ cũng kiếm được vài bốn đồng, nhưng lắm khi cũng phải đánh nhau chí mạng.

Có người thấy ông có tính liêu-linh và can-dảm, mới thuê ông đi mang thuốc phiện lậu.

Trong ba năm trời trèo non lặn suối, ông mới kiếm được cái vốn non nghìn bạc. Rồi nhân một chuyến người ta giao cho ông mang hơn ba nghìn bạc thuốc ông bèn quít phăng cả, bảo là bị nhà Đoan bắt mất, rồi tự dấy trở về nhà quê xây nhà và xoay làm nghề cho vay lãi.

Ông cho vay một cách rất chặc-chắn : bắt những người đi vay phải viết văn-tự một gấp hai, và phải viết thế-chấp nhà cửa hay ruộng nương. Nếu đến hạn mà chưa trả được thì ông đi triph mà cầm ngay lấy. Bởi vậy, ông cho

vay nhiều mà không bị khê mất món nào.

Trong tay đã sẵn đồng tiền mà chả lẽ ông cứ đeo mãi cái tên ông Lái, thì sợ cũng é vơi đời, đã phú thì phải quí mới được chữ. Nghĩ vậy, ông bèn bỏ tiền ra mua quốc-trái, quyền ngay được cái hàm Hàn-lâm, nên người ta mới gọi ông là ông Hàn Trái.

Tuy đã được đeo màu bài-ngà, nhưng nghĩ đến món tiền bỏ ra ông xót ruột lắm, phải tìm cách cho vay nặng lãi nữa lên, để gỡ lại số tiền ấy.

Vừa kéo lại đủ số tiền mua Hàn-lâm thì lại gặp ngay cái hồi thóc gạo xụt giá, công nợ khó đòi, ông liền ghim ngay tiền lại, chờ cho bao giờ thóc gạo lên giá rồi mới dám bỏ ra cho vay. Nhưng đã không cho vay thì tất trong nhà ông phải ăn tiêu vào vốn. Thấy vốn mỗi ngày một sụt dần đi, ông sợ nếu cứ ăn tiêu như thế mãi mà không làm được lợi ra, thì cái gia-tài của ông chẳng mấy lúc mà hết, ông liền phải thi-hành ngay cái chính-sách tiết-kiệm, nào dúi bớt người ở về, nào bắt vợ con phải bớt ăn, bớt mặc, có cậu cả đương học ở Hà-nội, chỉ còn năm rưỡi nữa thì ra thi bằng Cao-dẳng tiểu-học Pháp Việt, ông cũng bắt về, cho rặng đi học bảy giờ đầu có đỗ-đạt gì thì cũng chỉ năm xó thôi, chứ có được bỏ đi làm ngay như trước đâu mà cần, học cho phí

tiền. Cậu cả nói với ông rằng đi học không phải chỉ cốt để kiếm việc làm, mà cần phải học cho biết đạo làm người. Nhưng ông không nghe bảo rằng đi học cốt để ra làm việc kiếm tiền, chỉ học mà cốt để làm người thì cần gì phải học.

Thế là ông đã bớt được một món tiền về cậu cả: nhưng còn các món tiền khác trong nhà, ông không còn làm cách gì mà bớt được nữa, chả lẽ lại bắt vợ con ăn ngày một bữa, không ăn liêu thì không được mà ăn tiê: thì tốn, rồi ông sinh ra gắt-gống, chửi vợ mắng con. Ròng-rã hơn một năm trời, ông chưa tìm được cách gì khác để làm cho đồng tiền của ông có thể sinh-sôi nảy-nở ra được, lấy làm lo lắng. Thì một hôm có người bạn cố-tri trước kia vẫn buôn bán thuốc phiện lậu với ông đến chơi, ông liền đem ý muốn của mình nói với bạn cùng bạn lấy một kế mưu-sinh chắc-chắn.

Ông bạn nghe chuyện rồi nói :

— Tôi cũng định đến kiến quan bác một kế đấy. Kế này thì lợi lắm, lợi một gấp hai, nhưng bác phải giữ bí-mật lắm mới được. Tôi cũng vừa làm xong nhưng vì li vốn vền vừa mới làm thì chỉ lợi được có ngót nghìn thôi.

Ông Hàn tưởng bạn nói đùa liền vừa cười vừa hỏi :

— Kế gì mà lợi lắm vậy? hay bác đùa tôi?

— Không, tôi không đùa bác đâu, chả lẽ chỗ anh em trước kia có lợi tu cùng hưởng, mà bây giờ tôi không mách bác thì sao cho phải, nhưng bác cần phải giữ bí-mật lắm mới được nhé.

— Bí-mật bằng mang thuốc phiện lậu chứ gì?

— Không, việc này lại cần phải bí-mật hơn kia.

— Vàng bác cứ bảo cho, tôi xin giữ bí-mật.

Ông bạn liếc mắt nhìn trước nhìn sau, đứng dậy đóng cái cửa xuống cầu thang gác lại rồi sẽ nói :

— Tôi có quen một bạn phú-thủ rất giỏi, có phép làm được cho bạc đồng một đồng hóa hai, nếu bác có muốn làm tôi xin giới-thiệu.

Ông Hàn mỉm cười :

— Làm gì lại có phép thế được.

Ông bạn nghiêm nét mặt nói :

— Nếu không thì tôi bảo bác làm gì

Ông Hàn vui mừng nói :

— Nếu có thể làm được thì tôi cũng làm.

— Sao lại không có thể, miễn là mình có bạc thì họ làm được.

— Thế còn công của họ?

— Phải cho họ mười phần trăm.

— Vàng, xin bác bảo họ đến đây làm giùm tôi, rồi tôi sẽ tạ ơn bác.

Ông bạn nhận lời rồi về. Hôm sau đưa đến nhà ông Hàn hai người phú-thủ xách hai cái va-li đến. Một người gọi là thầy Cả, một người gọi là thầy Hai. Ông bạn bảo ông Hàn dọn riêng cho họ một cái nhà và đưa bạc cho họ làm. Dặn-dò chủ và bọn phú-thủ ở đây, ông bạn lại trở về.

Nửa đêm hôm ấy, ông Hàn đưa cho thầy Cả hai trăm bạc. Thầy Cả bảo ông xếp bạc vào nôi và chỉ chỗ bảo thầy Hai đào cái lỗ. Khi ông xếp bạc xong rồi, thầy bỏ mấy cái búa vào nôi, đứng làm-bầm đọc thần-chủ và giậm chân bắt quyết rồi bảo thầy Hai bỏ nôi xuống lỗ lấp đất đi. Xong đâu đấy rồi thầy mở va-li lấy ra mấy người mới

bằng gỗ cho ông Hàn xem và bảo rằng đây là những binh-tướng của thầy sai làm bạc đấy. Lại dặn ông rằng phải giữ-gìn người nhà cho cẩn-thận. Nếu đêm hôm để ai nom-nhòm vào thì không những việc tiết-lộ mà bạc phải via thì hỏng cả. Cho nên đến ông Hàn cũng tùy lúc họ cho vào xem mới được.

Sáng hôm sau, họ bảo ông rằng xong rồi nhưng còn đợi ba ngày thì bạc mới đủ tuổi.

Ba hôm sau họ gọi ông vào, người thầy Cả lại đứng đọc mấy câu thần-chú và lại giậm chân bắt quyết, rồi bảo ông đào lên, thì quả-nhiên thấy có bốn trăm bạc, đồng nào cũng giống và kêu y như bạc thường dùng. Ông mừng quá, sai người nhà cầm bạc ấy đi mua hàng, sang cả nhà Đoan mua thuốc phiện xem có ai ché-bai gì không, nhưng chẳng thấy ai bảo gì cả. Ông sợng quá bèn trả công cho họ bốn chục đồng và bảo họ về, nửa tháng nữa sẽ đến đúc cho ông một vạn. Rồi hai vợ chồng ông có bao nhiêu bạc giấy đem đổi hết lấy bạc đồng.

Y lời hẹn, nửa tháng sau hai người phù-thủy ấy đưa đến ba người nữa và ba cái va-li đồ. Ông Hàn vui-vẻ hỏi thầy Cả rằng :

— Một vạn làm một đêm có xong không ?

— Bầm quan, bao nhiêu làm một đêm cũng xong. Nhưng quan lại phải giữ rất cẩn thận cho mới được.

Vâng, tôi xin hết sức cẩn-thận trông nom người nhà mà cả tôi cũng không dám nom-nhòm đến chỗ ấy.

Đến nửa đêm, ông chuyên xuống đưa cho họ ngót một vạn bạc. Họ lại bảo ông cho vào nôi, làm phù-phép như trước và lại đào lỗ bỏ xuống chôn,

rồi bảo ông ra để cho họ sai binh làm phép.

Sáng hôm sau, bọn phù-thủy bảo ông rằng xong cả rồi, ông khóa cửa cái nhà ấy lại rồi mời họ lên cả nhà gác đánh tổ-tôm và ăn uống ở đấy, để đưa ở tiện hầu-hạ mà không lai vãng đến chỗ nhà ấy được.

Chiều hôm ấy, trong khi họ đương đánh tổ-tôm ở trên gác, ông Hàn hối-hoảng chạy lên bảo ông thầy Cả rằng :

— Nay ông ơi, tôi vừa thấy có một người trẻ tuổi cầm có cái xeo cứ lờ-vờ đi đi lại lại ở trước cửa nhà này, mà hai mắt cứ trông-trọc nhìn vào trong nhà, tôi hỏi hắn ta muốn hỏi gì, thì hắn bảo đi tìm người quen mà hắn kể hình-dạng giống ông như lột. Lại hỏi thăm tôi xem có biết ông về chơi nhà ai ở đây không.

Thầy Cả nghe nói liền xám ngắt mặt đi, hỏi ông Hàn :

— Thế quan bảo nó làm sao ?

— Tôi bảo không biết, thì nó đi ngay.

— Bầm quan, người ấy chính là mặt-thám đấy. Họ biết tôi có phép hóa được bạc một thành hai, nên vẫn đi dò xem tôi ở đâu thì dính bắt đấy.

Ông Hàn cũng tái mặt đi, nói :

— Chết! nếu họ biết ông ở đây thì làm thế nào.

Thầy Cả quả-quyết nói :

— Quan không lo, để tôi liệu.

Ông Hàn vội hỏi :

— Ông làm thế nào bây giờ ?

Thầy Cả vừa đứng dậy vừa chỉ tay vào hai người bạn vừa nói :

— Bây giờ tôi với thầy chú này phải đem môi gỗ và đồ phù-phép đi ngay, kéo ở đây nó biết thì khốn cả quan lẫn chúng tôi. Bây giờ ba người chúng tôi



Kính ảnh hiệu Hương-Kỳ

Quan Toàn-quyền ROBIN tại hội Khai-tri Tiến-dức Hà-nội.
(Sau khi dự tiệc trà)

lìm đến để đi qua trước mặt nó, cho nó biết rồi chúng tôi về Hà-nội, tất nó phải theo chúng tôi. Thế là ở đây không lo-ngại gì nữa. Còn hai thầy này mới đi với chúng tôi nó không biết, thì ở lại đây lấy bạc lên hầu quan cho trọn công việc.

Nghe thầy Cả nói có lý, ông Hàn mới hoàn hồn và vui-vẻ nói :

— Cũng có lẽ.

— Băm quan, ở đời phải lấu thế mới được, dẫu gian thì phải ngoan không thì nguy. Nhưng thưa quan, ngày kia bạc đúng tuổi, xin quan trông lại đến chúng tôi mà thưởng thêm cho thì quan cứ giao cho hai thầy này cũng như chúng tôi.

— Cái đó ông không phải nói, tôi xin chu-tất.

Ba người chào ông Hàn rồi xách ba cái va-li ra lên xe đi, để hai người bạn ở đây đợi lấy tiền công.

Hai người ở lại đây, lúc thì nằm khoèo trên gác hút thuốc phiện, lúc thì đi ra chợ chơi, vì ông đã giữ chìa khóa cái nhà chôn bạc kia rồi nên không ngại gì họ. Và còn món tiền công to-tướng của họ, tự họ phải cần, nên ông mặc họ tự do muốn đi chơi bởi đâu thì đi.

Chiều hôm sau là chiều hôm ngày thành công, cơm nước xong, hai người lại rủ nhau đi chơi, tối không thấy về để đào bạc lên. Giá không phải phù-phép gì thì ông cũng chẳng cần đến họ.

Ông mong mãi không thấy họ về, nóng ruột quá phải sai người đi tìm, nhưng cũng chẳng thấy họ đâu cả. Ông mong suốt đêm không ngủ được. Sáng hôm sau cũng không thấy họ về, ông toan đào lên nhưng sợ bạc phải vào hồng cả thì tuyệt-nghiệp, đành cứ phải chờ. Tối cũng không thấy họ về, bấy giờ ông mới sinh nghi, một mình xuống hi-hục đào đất lên thì thấy hai cái nồi lo vẫn dầy vung để sát nhau, vôi-vàng mở vung hai cái nồi ra xem, bỗng giật mình ngã vật xuống đất mà thét lên một tiếng rất to : « Trời ơi ! » Thì ra bạc đã biến đâu mất cả chỉ trơ có nồi không.

Bà Hàn nghe tiếng chạy xuống, thấy ông nằm vật bất-linh nhân-sự, bên hai cái nồi không, biết ngay là ông bị lừa, liền vờ ông lên nhà soạn dầu và gọi cho ông tỉnh lại.

Sáng hôm sau, ông dậy sớm lìm đến chỗ ông bạn để bắt đền. Ông bạn hỏi chuyện đầu đuôi rồi bảo. Chỉ tại quan khờ quá, không trông nom cẩn-thận để hai cái thặng ở lại ấy nó lấy đi đấy thôi. Chứ người ta làm có sai bao giờ đâu.

Ông bạn nói rồi thở dài, xót-xa thương-tiếc rồi lại trách ông Hàn khờ không trông nom hai cái thặng ở lại ấy cho cẩn-thận. Ông Hàn bây giờ cũng hiểu ý bạn, nhưng việc vô-lang mà lại quan-hệ đến pháp luật. Biết làm thế nào.....

LÊ ĐỨC-NHUẬN



HOÀI-CẨM ¹ (1)

(Tập hồi-ức-lục của Đông-Hồ)

II

4. — Làng báo trẻ con

Bây giờ mỗi khi tôi nghe các nhà báo đua nhau xuất-bản, nghe có những cuộc bút-chiến của các báo, tranh-biến công-kịch nhau, kịch-liệt; và mỗi khi tôi nghe nhà báo này đình-hản vì tài-chính, nhà báo kia đóng cửa vì bị Chính-phủ thu phép xuất-bản lại, hoặc đến các nhà viết báo bị bắt buộc, bị tù-tối, thì đều khiến cho tôi nhớ lại cái xã-hội con trẻ thường ngày gần-gũi với tôi, đó cũng là cái gia-đình nghĩa-tử của tôi, nên tôi đối với nó vẫn có một mối cảm-tình đậm-thấm ân-ái thâm-trầm, những chuyện vui chuyện buồn trong cuộc đời tôi đều do ở đó một phần, nơi đó đã ghi cho tôi một cái kỷ-niệm tốt đẹp vui-vầy trong buổi đời hui quạnh. Chuyện làm báo tôi sắp kể dưới đây tức là một việc trong nhiều việc khác mà nó đã để cho tôi một cái kỷ-niệm vui vui mãi.

Năm Ấv, 1929, tôi dạy lớp sơ-đẳng trường tiểu-học tỉnh nhà. Các học-trò học tôi năm ấy có nhiều đứa thông-minh dĩnh-ngộ lắm, cho nên tôi có lòng yêu-quí nhiều lắm, thường đãi như con em trong nhà. Chúng nó cũng dạn, làm việc gì cũng cho tôi biết, hoặc là để cho tôi thấy, ít hay giấu-giếm. Duy có một việc làm báo thì chúng giữ bí-mật, thiệt bí-mật, tổ-chức tòa-

soạn một cách rất kín-đáo. Mỗi đến hôm các viên biên-tập các báo bị quan Đốc-học đòi và các tờ báo bị thu- tịch, tôi mới biết chuyện như thế này: Nguyên hồi cuối năm 1928 ở lớp Sơ-đẳng có cậu Võ Quang-Lượng rủ năm ba anh em « xuất-bản » một tờ báo hiệu là: « Học-trò ». Nói là xuất-bản chứ thực là viết tay, lấy giấy trắng kẻ chữ lớn lên đầu giấy rồi chia từng cột và viết tay vào. Vì viết tay nên khi xuất-bản chỉ được một tờ và hai tờ mà thôi, rồi đưa truyền tay nhau mà đọc. Việc xuất-bản cũng là bất-thường, khi không có việc thì hoặc một tuần, hoặc hai tuần mới ra một kỳ, mà khi có việc thì mỗi tuần ra đôi ba kỳ cũng không biết đâu được. Báo Học-trò nguyên xuất-bản là để đăng các bài luận-văn nào đặc-thể của thầy-giáo đã chữa rồi, để làm mẫu cho học-trò, sau dần-dần đăng các tin-tức xảy ra ở trong lớp, trong trường. Theo cái tính-cách chung của các nhà báo, tin nào hay, chuyện nào tốt thì không đăng bao nhiêu mà chỉ thấy đăng các tin dở chuyện xấu của các hạn-bè. Bây giờ trong cuộc sống còn, ai có quyền-lợi này, có lẽ nào ngồi yên để cho người công-kịch. Bây giờ các báo mới đua nhau mà mọc lên như nấm. Trước tiên là báo Sơ-đẳng của cậu Đường Ngọc-Thạch, báo Ngôi Bút của cậu Lưu Văn A rồi đến báo Quốc-âm của cậu Đỗ Văn-Tư, báo Sơ-học

(1) Xem N. P. số 189.

của cậu Trần Văn-Y, báo *Nữ-nhi Trí-đức* của cô Nguyễn Thanh-Sán, báo *Học-trò gái* của cô Vương Tú-Điền, lại có báo *Đồng-tâm* của các học trò ở lớp Sơ-học (*cours des certifiés*). Đó là kê tên viên chủ-nhiệm kiêm chủ-bút, nghĩa là nếu có xảy ra việc gì thì viên ấy chịu trách-nhiệm và viên ấy chịu giấy, mực, lại chịu cả công ngồi viết, ngồi chép cho thành hình một tờ báo, chứ cách tổ-chức tòa soạn, ty quản-lý cũng đủ có cả trợ-bút, phụ-bút, phóng-viên, tổng-lý, quản-lý, đủ tên họ cả. Nhưng các viên ấy chỉ có tên đề cho kêu mà thôi chứ báo nào có buôn-bán với ai, có phỏng-vấn: gì ai đâu. Về nội-dung tờ báo thì cũng đủ cả các mục: xã-thuyết, tiền-thuyết, văn-úyển, thời-đàm, mục giới-thiệu, mục phê-bình, mục vui cười, mục đố giải, tin buồn tin vui, quảng-cáo, tin-tức, cả đến tranh vẽ công-kích, vẽ chuyện vui, không thiếu một mục nào cả. Thực là một cái « báo-giới thu nhỏ » lại. Trong các báo thì duy có báo *Đồng-tâm* nhờ người làm báo đều là học trò đã có tuổi nên biết in thạch mực tím, còn thì chữ viết hết cả. Báo *Đồng-tâm* mỗi khi xuất-bản cũng được ngót 40, 50 số, bán mỗi tờ một xu, nhờ đó mà truyền-bá được rộng và mạnh lắm. Lại cũng vì thế mà cái phong-trào « làm báo » sôi-nổi trong « quốc-dân » — tức là trong đám học-trò — và nào-dộng đến « Chính-phủ » — tức là quan Đốc-học và các thầy giáo.

Báo, bấy giờ, mới trải qua một cơn biến-cổ. Nguyên báo *Đồng-tâm* in nhiều, bán ra không hết, lại bán một giá thật rẻ cho các chị hàng bánh ở trường để gói các vật ăn bán cho bọn học-trò. Một hôm, các cháu nhà quan Đốc-học mua khoai chiên, chị hàng khoai gói bằng giấy báo *Đồng-tâm*. Các đứa trẻ ấy mua khoai về ăn rồi, thấy tờ giấy

tím-tím tốt, sẵn có thân, bé con nó khóc lấy ngày tờ báo xếp cho nó chiếc thuyền con chơi thế nào không biết mà mở tung chiếc thuyền ra rồi bỏ hay trái trên ván. Rồi thế nào không biết mà trưa hôm ấy khiến cho quan Đốc-học đi qua thấy tờ giấy lả lả cầm lên xem. Tức khắc, buổi học chiều, các nhà báo bị tịch-biên, các tờ báo bị thâu lên hết, các thầy giáo nào có học trò làm báo đều bị triệu đòi, cùng với các chủ-bút phụ-bút, chủ-nhiệm, quản-lý các « nam-nữ đồng-nghiệp » một giấy dẫn vào. Dâu trong « làng báo » thì học trò của tôi nhiều hơn cả, tôi bị trách về cái tội « giáo bất nghiêm » và cái tội vì tôi thường ngày hay viết báo, đọc báo mà ảnh-hưởng đến các học-trò. Còn các nhà báo, sau một cuộc thăm-vấn rồi, tuyên-án xong thì nào chủ-bút, nào phụ-bút, nào chủ-nhiệm tổng-lý bị một trận đòn nên thân, cũng có đôi ba vị được trắng án vì chối là không biết gì cả, tên mình đề trên tờ báo đó là bởi các viên chủ-bút tự-y dễ-yết lên mà thôi, lại cũng có đôi ba vị bị án treo, là quan tòa — tức là quan Đốc-học — còn sẽ nói chuyện lại với cha mẹ các vị ấy.

Tôi, hôm ấy, bị trách, chẳng những không buồn mà lại vui lắm, vui vì thấy cái xã-hội trẻ con của mình giáo-dục lâu nay cũng bắt chước được na-nà cái công việc của người lớn làm. Lại thấy các vị « tai mắt, đầu mỏ » làm « hướng-dạo » cho « dư-luận quốc-dân » mà vị nào vị ấy nằm dài dưới gạch, nước mắt nước mũi, bù-lu bù-loa mà bật cười. Sau khi phiên tòa giải-lán, tôi xin tất cả mấy tờ báo bị thâu-tịch ấy đem về, đọc qua hết một lượt. Đọc mà không sao nhịn cười được, nhất là những đoạn công-kích nhau thì hết cái giọng nhà báo. Khiến cho cười là thấy các học-trò, đứa nào đứa ấy, hăng

ngày đùa giỡn ngo-ngân, nghịch đất nghịch cát, quần-áo xóc-xech, mặt-mũi lem-luốc mà cũng xưng-hô nhau là « ký-giá », là « tiên-sinh », là « ông chủ-bút », là « ông tổng-lý » nghe nghiêm-trang bề-vệ lắm. Phàm những cái gì của người lớn mà con nít bắt chước làm y như thế thì đều khiến cho mình trông thấy mà bật cười cả. Dẫn một cái ví-dụ :

Có một hôm, chúng tôi đi chơi, gặp một người thiếu-phụ dẫn một đứa con gái bé độ lên ba lên bốn, mà y-phục của người mẹ thế nào của đứa con cũng y như thế : áo dài tím, quần lụa trắng, khăn quàng, giày cườm, ô màu, chuyền, chuỗi hạt vàng, vòng chạm đủ cả, mà cái nào cũng bé tí-tí. Con bé đi lững-thững thăm-thấp, nét mặt ngây-thơ ngo-ngân. Bọn chúng tôi ai nấy đều đứng lại trông con bé mà cười rũ-rượi. Nó đi khỏi đã xa rồi mà chúng tôi, dọc đường, còn nhắc lại mà cười với nhau mãi không thôi.

Chuyện làm báo mà tôi kể ra đây cũng cũng một tính-cách như cái chuyện con bé con diện theo cánh người lớn ấy vậy. Chuyện cách đây đã bốn năm năm rồi mà mỗi khi tôi nhớ lại, hoặc giở các số báo cũ ra, không lần nào mà tôi không cười nức-nở. Muốn cho các bạn cùng tôi góp cười, dưới đây tôi chép lại một ít bài trích trong các báo ấy, mỗi thể văn một bài. Cũng có nhiều bài văn-vẻ chúi-chuốt lắm, không khác cái giọng văn người lớn chút nào, lại cũng có nhiều bài ngo-ngân buồn cười lắm. Tôi cũng đều đề y nguyên-văn như thế mà không thêm bớt một chữ nào cả, là để giữ cái tự-nhiên và cũng để ghi lại một cái kỷ-niệm hay hay trong mầu đời dĩ-vãng. Mỗi khi đọc qua bài văn, các bạn nên tưởng tượng thấy cái hình-ảnh ooa bé con diện theo cánh người lớn mà tôi

đã vẽ ra trên kia, thì đọc bài văn mới có thú-vị.



Văn bá-cáo thì như bài « Báo Học-trò đòi mới » sau này đăng ở số 19 ngày 9-5-1929.

« Báo Học-trò đòi mới | Đòi mới, chẳng phải là thay đổi tôn chỉ mục-dịch báo đâu, mà đòi mới là sửa-sang, thay đổi cho thêm hay thêm mới hơn lên ; vậy có lời kính-cáo cùng các độc-giá :

« Báo Học-trò nguyên xuất-bản từ hồi mùa đông năm ngoái, lúc ấy chính là lúc mà trong trường ta chưa từng nghe có tiếng « học-trò làm báo » như ngày nay. Báo Học-trò, trước kia, xuất-bản nguyên là thấy người lớn làm báo mà bọn con trẻ chúng tôi bắt chước ; chỉ để đăng các bài luận-văn và viết một vài chuyện vui chơi văn-văn, chứ vẫn không thành lẽ-lối cách-thức một nhà báo có tư-cách. Trong khoảng đó thì bản-báo có nhận cho ông Lưu Văn-A làm chủ-nhiệm, ông Trần Văn-Y làm tổng-lý, một đôi khi hai ông cũng có viết một đôi bài. Mùa xuân năm nay, tức là năm thứ hai của bản-báo, báo Học-trò cũng cứ lẽ-lối cũ mà xuất-bản. Bây giờ có phong-trào làm báo dần-dần nổi lên. Trước nhất có báo Sơ-đẳng do ông Hoàng Ngọc-Thạch quản-lý. Báo ra số đầu đã mở lời công-kích bản-báo. Luôn hai tháng nay, hai tờ báo vẫn găng chống nhau luôn, chưa ai chịu nhường ai một bước. Giữa lúc ấy có xảy ra vụ ông Lưu Văn-A, bản-báo chủ-nhiệm, mất tập bài thuộc lòng, ngờ cho các ông học-trò trên lớp Sơ-học xuống étude ở lớp ba của chúng tôi lấy trộm. Báo Học-trò số 13, ngày 19-4-29 phá-giác việc ấy ra. Số báo vừa xuất-bản thì dư-luận ãn-ào lên, đến các ông học-sinh lớp Sơ-học không đến étude ở lớp Sơ-đẳng như mọi khi nữa. Bây giờ các ông ấy mới nổi lên

cứ về linh-chất quẻ-lộ linh-chất sâm-banb, hằng đêm siêng chăm về công việc bàn pha-lê khay vân-mẫu, mà tờ báo nào cũng nổi tiếng là nhà ngôn-luận nhà thi-ca, tạp sách nào cũng trứ-danh là nhà trứ-tác; xin lượng Phật độ cho nổi được danh ấy, thì tôi xin trả ơn Phật một câu danh-dự rằng: « Bụt nhà đệ-nhất từ-bi ». Kịp khi tiến-hành, thơ thì tiếng gà gáy gở, tiếng dế kêu sâu; thơ gì thơ thân; văn thì cắt giấy phứt hồ, chấp-chánh nhà táng, văn gì văn-veo; đi đến đâu người ta cũng cười rằng dốt; sự cầu-nguyện ấy lại không linh-ứng.

Lần thứ tư chàng thắp hương cầu-nguyện làm quan, ngày đêm niệm rằng: Lạy Phật Hoa-nghiêm-tam-bảo, tôi có sở-ước một điều là cửa thật cao, nhà thật rộng, ngựa thật béo, xe thật to, cơm thật no, áo thật ấm, vợ thật đẹp, con thật sang, tài thật nặng, trứ-phi nghề đèn trời không mau chóng đạt tới mục-dịch ấy, xin lượng Phật độ cho đạt tới mục-dịch ấy, thì tôi xin trả ơn Phật một câu danh-dự rằng: « Bụt nhà đệ-nhất bồ-lát ». Kịp khi tiến-hành, len-lỏi mãi mới được một bước đèn trời cõn con; chẳng bao lâu bị tội tham-tang cách tuột, sự cầu-nguyện ấy lại không linh-ứng.

Lần thứ năm chàng thắp hương cầu-nguyện nhiều thóc, ngày đêm niệm rằng: Lạy Phật Linh-quang-phổ-lễ, tôi có hi-vọng một điều là ngày giáp-hạt thì mình phát bồ-dề-tâm lấy thóc cho người vay, đến ngày mùa-màng thì người đem số thóc trả lại, có lãi bội-tam bội-tứ, trừ-phi có nhiều thóc không đạt được hi-vọng ấy; xin lượng Phật độ cho đạt được hi-vọng ấy thì tôi trả ơn Phật một câu danh-dự rằng: « Bụt nhà đệ-nhất bồ-dề ». Kịp khi tiến-hành thì cứ mất mùa luôn, chỉ đủ thóc

làm nhai, không đủ thóc làm phúc-đức; sự cầu-nguyện ấy lại không linh-ứng.

Tự dấy chàng cho bụt chùa nhà là không thiêng, trước còn đem lòng hoài-nghi, sau đem lòng tức-giận, đem chùa nhà phá đi, đem bụt nhà bỏ đi. Quan-âm chùa nhà chàng vứt một nơi, La-hán chùa nhà chàng quăng một xô, mưa gió điu-hiu, chùa ôi là chùa ! lo-trơ lồng-chổng, bụt ôi là bụt ? ! ! Chàng mới đội nón khoác áo ra đi, đi nam đi bắc, đi đông đi tây, hằng ngày bơ-vơ ở ngoài đường, người ta hỏi chàng đi đâu ? thì chàng đáp rằng: « Tôi đi cầu Thích-ca đây, tôi đi cầu Thích-ca đây ».

Bắt đầu chàng gặp một người trang-mạo xấu-xi hung-ác, khác với người thường, chàng tưởng là Thích-ca, chấp tay niệm Phật. Người ấy cười rằng tôi không phải là Phật, là Ma-vương đây. Chàng muốn qua chơi địa-phủ không ? Chàng nghĩ bụng rằng bơ-vơ ở giữa đường mãi thế này thì cũng vô-ích, chi bằng ta qua chơi địa-phủ hoặc có sở-kiến gì chẳng. Đến nơi thì thấy lũ quỷ dương phụng lệnh Ma-vương nấu một vạc dầu, đem một tội-nhân trông ra dáng văn-sĩ, luận về tội binh-sinh hay làm ra văn-chương sách vở tà-dâm, phá-hoại đạo-đức của nhân-loại, sắp-sửa bỏ vào vạc dầu. Ma-vương vội-vàng phán lại rằng: Người này tội nặng, vạc dầu cũng chưa xứng, nếu bỏ vào vạc dầu thì hết kiếp ngay, chi bằng bắt người ấy lại lên thế-gian hóa kiếp làm con bọ-hung, để thế-gian kiếp kiếp chế cười sỉ mắng, là đáng kiếp hơn. Ma-vương phê-phán án ấy xong, đoái lại bảo chàng rằng: Tôi vốn là kẻ làm ác, nhưng tôi đã phụng phép Phật, từ rày trở đi tôi chỉ đứng về vai hộ-pháp cho Phật mà thôi; hễ kẻ nào

làm trái phép Phật, thì Ma-vương này sẽ lật làm cho trông thấy nhân-tiền mà chẳng tha. Nghe đâu Phật còn có một vị Tán-hoa thiên-nữ, hễ ai làm thiện thì Phật gả cho đấy. Chàng nghe nói khôn-xiết hám-mộ, tức-khắc từ-giã Ma-vương lại đi lên tìm Phật Thích-ca.

Thứ hai, chàng lại gặp một người đàn-bà yêu-diệu, mày ngài mắt phượng, mà trên tay âm một thằng bé xinh-xinh. Chàng nghĩ bụng rằng dễ thường Tán-hoa thiên-nữ đây chắc. Tiến lại gần hỏi rằng : Bà có phải là vị Tán-hoa đấy không ? Con bà đấy, chồng bà đâu ? Người đàn-bà ấy chỉ mỉm cười trả lời rằng : Tôi là Thị-Kính, không phải là Tán-hoa, tôi chỉ có con mà không có chồng. Chàng lại nghĩ bụng mừng rằng sự nam-nữ của nhà Phật cũng tự-do lắm thay ! Đạo Phật ở ngoài đường quả là hơn đạo Phật ở nhà. Rồi chàng cứ theo miết Thị-Kính mà kêu nài rằng cho tôi tu với ! Thị-Kính thấy chàng phát-hiện ra thói trần-tục, mới quay đầu lại mắng rằng : Hỡi tục-khách ơi ! Phàm sự phải cầu lấy nguyên-nhân, chớ lơ-láo mà hiểu lầm. Kính-Tâm tôi lấy chàng Thiện-sĩ, tía râu chông mang tiếng bội-phụ ; trở về chùa thì phát đi tu, phận là gái khôn bòn phải trái, ấy nguyên-nhân chồng tôi là thế ; hôn bươm mơ-máng nghìn dặm cách, nghĩa vô chắm-chút bốn năm thâu, ấy nguyên-nhân con tôi là thế thế, kể rõ cho chàng nghe. Chàng nghe nói lấy làm chán bét, mới dừng chân lại mà chẳng tưởng đường tu nữa.

Nhưng chàng vẫn tơ-tưởng vị Tán-hoa thiên-nữ, cố đi tìm lấy Thích-ca, hạp may có kết-quả gì chẳng. Lại gì chàng dù có công đi cầu Phật, thì Phật cũng chẳng phụ gì chàng. Quả-nhiên giữa đường gặp một người thân là hân vàng, sắc là sắc ngọc, quả là óng

Thích-ca. Thích-ca thấy chàng bơ-vơ ở giữa đường, bắt đầu hỏi ngay chàng rằng : Chúng-sinh đi đâu ? Muốn cầu ta tế-dộ đấy phải không ? Cửa Phật cũng không hẹp gì, cứ đi với ta mà dốc lòng làm thiện, ta sẽ ban cho quả-phúc hân-hoi. Chàng khi đó mới cả mừng, nghĩ bụng rằng điều quả-phúc thì chắc hẳn là Tán-hoa thiên-nữ, duy điều thiện là gì thì mình chưa lĩnh-hội được, nhưng Thích-ca đã hứa lời ban cho đó, thì mình sống chết cũng đi theo.

Chàng từ đấy chẳng quản dậm cỏ đường mây, nắng mưa khó nhọc, chỉ một niềm đi theo Thích-ca. Ban đầu thấy Thích-ca cười voi, chàng đi theo sau cúi nhặt lấy bã mía, nhân phát-nguyện rằng bã mía ở ngoài đường ngày nay, quả là mát-mẻ hơn bát nước dương-chi ở nhà ngày trước. Nói đó thấy Thích-ca ăn chuối, chàng đi theo sau cúi nhặt lấy vỏ chuối, nhân lại phát-nguyện rằng vỏ chuối ở ngoài đường bây giờ, quả là thơm-tho hơn tòa sen tam bảo ở nhà năm nọ.

Rồi chàng cứ hàng ngày hàng tháng đều-đều đi theo sau Thích-ca ở ngoài đường, mà kêu khan kêu vã hỏi rằng điều thiện là gì ? Xin Thích-ca sớm-sủa báo cho tôi để tôi làm ; bao giờ Thích-ca mới ban cho quả-phúc ? Tôi lấy làm nóng lòng sốt ruột lắm. Cuối cùng Thích-ca mới bảo cho rằng anh làm điều gì, chứ anh làm điều thiện thì bất-tất phải theo ta ; giáo-pháp của ta chẳng qua thanh-lĩnh đề tu-hành, thực-thà không giả dối, từ-bi quảng-dại, để cứu khổ cứu nạn cho người đấy thôi, anh cầu ta ở ngoài đường mãi thế này, chẳng ngu lắm thay ! Anh cứ về nhà mà tu sẽ tự-nhiên cũng được quả-phúc.

Nhưng chàng vẫn nghĩ bụng rằng Thích-ca còn nói dối ta, hay là Phật

sợ rằng ta nếu thóc-mách biết đường làm thiện, thì sẽ có một ngày kia ta phỏng được vị Tân-hoa thiên-nữ của Phật, mà Phật không chịu bảo thật ta chẳng. Nên chi chàng chẳng bỏ Thích-ca mà vẫn cứ đi theo. Lại gì Thích-ca tài đã cao; sức đã mạnh, mà bước chân đi lại dài, chàng chẳng qua là hạng người tài-lực đã bình-thường, trí-thức đã vắn-vơ, bước chân đi lại ngắn, theo thế nào được Thích-ca. Quả-nhiên đi đến một trái núi cao : chàng theo Thích-ca đi đến lưng chừng núi, tài hết sức hết, đi theo chẳng kịp, ngã lăn xuống chân núi, ngánh đầu trông lên, thì Thích-ca đã mất hút, như con hoàng-hạc bay đi chẳng thấy dấu nữa. Chàng ngồi ở chân núi ít lâu, than trời than đất, khóc gió khóc mây, rồi cười khi đứng dậy, lại quay gót đi về nhà.

Chàng vốn có một cái đặc-tính, là cái tính hay ngửa nghề, ngửa nghề làm thơ, ngửa nghề làm sách, ngửa nghề làm quan, ngửa nghề làm giàu v. v. nghề gì chàng cũng ngửa, không chịu ngồi yên. Lại nhất là nghề tu, thì chàng lại càng ngửa lắm, một ngày không thấp hương niệm Phật, thì chàng cũng không ăn ngồi được yên.

Khi đó chàng đi cầu Thích-ca ở ngoài đường đã thất-bại mà chàng trở về, chàng lại lóp-ngóp dựng chùa lại, xuất-xoa khuôn bụt vẽ, chẳng bao lâu lại trang-nghiêm ấm-cúng như cũ.

Chàng tái-hồi tu-hành ở chùa nhà được ít lâu, trong thời-kỳ tu-hành đó, sửa-sang kinh-kệ cũ ; cứ đến mồng một thì ăn chay năm mồng, đến ngày rằm thì liệu oản đọc kinh ; bởi đâu mà húp lại bát nước dương-chi, mới biết miếng bã giả ở ngoài đường là vô-vị ; xám-bối mà đặt lại tòa sen tam-bảo, mới biết cái vật vô-xác ở ngoài đường là vô-

tính, chàng mới phát-khởi ra được một cái quan-niệm rất chánh-dáng rằng :

Sắc thị không, không thị sắc, thế-gian cái gì chẳng là sắc, cái gì chẳng là không. việc gì phải thờ cái sắc đẹp. Phật tức tâm, tâm tức Phật, thế-gian đi đâu chẳng là Phật, ở đâu chẳng là tâm, việc gì phải cầu Thích-ca ở ngoài đường. Người ta ở thế-gian chỉ điều thiện là nên làm, chỉ làm thiện là rất vui, thôi thì ta về ta tu chùa nhà, dù khéo dù vụng chùa nhà là hơn ! Tu để làm gì ? Tu để mà tạo lấy thiện-nhân, cầu lấy thiện-quả ; ta tu đâu vì bằng ta tu chùa nhà, hờ ặc làm thiện ấy là chân-tu.

Lại được ít lâu, bụt chùa nhà báo mộng cho chàng biết rằng : Chàng Ngu-viên công-tử kia ơi ! Chàng bấy lâu tu-hành ngộ-hữu đã đắc-đạo, nhà Phật đã tặng cho chàng cái huy-hiệu xứng-dáng là « Trí-quốc kim-tiên » rồi đấy ; thế gian bằng cứ tu đi, có cái danh-hiệu Trí-quốc kim-tiên, sẽ có cái hi-vọng Tân-hoa ngọc-nữ ; đó là thiện-cao vậy, là Phật-lý vậy. Trí-quốc kim-tiên ơi ! Trí-quốc kim-tiên cứ tu đi ! Trí-quốc kim-tiên đừng sợ mất phần đâu !

Bụt bảo chàng xong, bụt lại tặng cho chàng một cái kim-tiên đối với ngọc nữ để chứng-minh công-đức cho chàng.

Câu rằng :

*Nhà sản vườn xuân xuân hồng xuân
tía, xuân sớm xuân chiều, trồng vào
non nước đầu xa, hoa rắc bốn mùa lay
ngọc-nữ.*

*Tu là cội phúc, phúc tổ phúc tiên, phúc
con phúc cháu, cốt ở lòng nền cho
vững gác để muốn trượng chử kim tiên.*

Chàng chiêm-bao sự tỉnh dậy, khôn xiết bàng-khuáng, khôn xiết mừng rỡ. than rằng bụt chùa nhà thiêng thật !

TÙNG-VÂN

VẤN-ĐỀ GIÁO-DỤC Ở NƯỚC TÀU



Năm 1931, Hội Vạn-quốc có cử một phái-bộ sang bên Tàu để khảo-cứu về việc học và xem có khuyết-diểm chỗ nào thì tìm cách mà bổ-cứu vào.

Hội cũng có phái tôi đi, thật là một cơ-hội may-mắn cho tôi quá.

Tôi ở bên đó chừng độ ba, bốn tháng. Công-việc làm được những gì, chúng tôi có làm một tờ trình đệ lên Hội-đồng xét.

Cả phái-bộ có được bốn người, mà mỗi người mỗi nước, mỗi người một tư-cách khác nhau: ông BECKER, người Đức, là một nhà chuyên-môn học các tiếng Á-đông, ông FALSKI, người Phô, là một nhà triết-học, ông TAWNEY, người Anh, là một nhà kinh-tế-học, còn tôi... một nhà bác-vật-học.

Mỗi người mỗi nước, mỗi người một khuynh-hướng, mà lạ thay, cả bốn đều suy nghĩ như nhau, và đều xem xét một cách như nhau. Cho nên có thể nói được rằng những cảm-tưởng tôi sẽ nói ra trong bài diễn-thuyết này, chẳng phải riêng gì cảm-tưởng của tôi, mà chính là cảm-tưởng của tất cả những người Tây-phương đối với nền học-thuật nước Tàu, tức là một nền học-thuật cốt tìm cách dung-hòa hai văn-minh kim, cớ để tạo nên một cái văn-minh mới gồm cả những điều hay của hai văn-minh gốc.

Những cảm-tưởng đó, tôi không thể nào nói hết ra đây được, tôi chỉ nói tóm-tắt đại-khái mà thôi. Rồi hẳn cuộc về, các Ngài sẽ đem cái vấn-đề

này ra mà xem-xét lại, mà khảo-cứu lại cho kỹ-lưỡng, cũng có lẽ tìm được những ý-kiến hay, những điều bổ ích cho việc học ở nước Pháp. Tuy việc là việc nước Tàu, nhưng phép giáo-dục thì đại-đề ở nước nào cũng như ở nước nào, vì về thời-dại này việc phổ-thông giáo-dục nước nào cũng vậy, đều dựa vào sở-nguyên và sự cần-thiết hằng ngày của dân-chúng.

Lịch-sử việc học nước Tàu

Sự cải-cách về việc học mà tôi muốn nói ở đây, mới bắt đầu vào khoảng đầu thế-kỷ này mà thôi. Tiếng là khởi ra từ hồi đó, nhưng kỹ-thực thì mới độ mười năm nay mới có chút-đinh điều hay cho sự khuyếch-trương nền sơ-học và số người vô-học cũng vì đó mà bớt được đôi phần.

Xưa kia trước cuộc cách-mệnh năm 1911, nhà nước không trông nom đến việc học. Chính-phủ chỉ coi sóc đến việc khảo-thí tuyển các quan-lại văn võ từ nhỏ chí lớn, cho đến các đại-thần cầm quyền-chính thay vua và các quan tổng-đốc các tỉnh.

Thi-cử như vậy có tính-cách công-bình lắm, vì tài cao thì ắt được địa-vị cao và tài thấp thì đành phải chịu địa-vị nhỏ, chứ thi đỗ thường mà cầu-cạnh địa-vị cao-sang thì không thể nào được.

Những cuộc thi lớn (như thi hội để tuyển các quan đại-khoa ra làm chức lớn) thì ở ngay trong hoàng-thành và chính Hoàng-đế thân ra chủ-tọa. Ngài

ngự coi kết-quả cuộc thi thế nào, thường đem một công-chúa gả cho người nào đậu thủ-khoa ở kỳ thi cao nhất.

Vậy thì ai tài cao sẽ được chức-vị cao, chứ dù tiền của như nước, hay con ông nọ cháu bà kia mặc lòng, đều không có ăn thua chi cả.

Về việc khảo-thí, hết thấy đều do nhà nước trông nom cả, mà lạ thay, không quản-cổ gì đến cách dạy dỗ, luyện-tập cho người đi thi... Nhà nào phong-phú cũng đều có nuôi ở trong nhà một thầy đồ, để cho con em trong nhà, cùng con em các lân-bàng quyến-thuộc đều được tụ-hợp học-hành vui-vẻ như một trường tư-thực nhỏ vậy. Những đứa trẻ nhà nghèo, nếu có khiếu thông-minh sẽ được hàng xóm láng giềng cấp tiền cho mà học-tập, cho đến ngày đỗ-dạt thành thân. Thế mới biết cái lòng mến trọng nhân-tài của nước Tàu thật là chu-chí lắm.

Những đầu-đề các bài thi, đều lấy đạo luân-lý cao-siêu sau này làm gốc : Người ta phải chăm tu-luyện lấy thân mình hơn là chế-ngự vạn-vật ngoài, và phải chú-trọng về đường cư-xử đối-đãi với kẻ khác.

Các đạo-lý luân-thường đó đều có giảng-giải trong sách của các nhà tư-tướng, hiền-triết đời xưa. Sách đó có thể gọi được là « sách cổ-diễn » (*classiques*) của văn-hóa nước Tàu.

Muốn hiểu thấu được những tư-tướng thâm-thúy của các nhà đại-văn-hào thuở trước, để mà dung-hòa với sự cần-thiết của thời-dại này, thì ắt là phải coi qua những sách đó mới được. Bởi vậy cho nên cai-trị một nước chẳng phải là cứ đem luật-pháp ra mà theo, mà độ từng phân li như ở Âu ở Mỹ, lại cần phải đem những điều nghĩa-

lý về chính-trị ra mà giảng-giải cho kỹ-càng nữa. Vì phép trị dân khó như vậy, nên trước cuộc cách-mệnh năm 1911, tất cả những quan-lại, từ quan Tổng-đốc một tỉnh cho chí các quan phủ huyện đều phải lấy « lương tâm » mình ra mà làm việc. Quan tức là phụ mẫu dân, vậy cho nên oai-quyền quan đối với dân cũng chẳng khác gì oai-quyền cha mẹ đối với con cái. Vậy oai-quyền đó tức là oai-quyền người gia-trưởng đối với con em trong nhà. Các quan hồi đó chỉ học sách kinh truyện là sách cổ-diễn mà thôi, cho nên chỉ biết lễ-lối cũ về phép làm quan, chứ không gọi là luật-pháp chung về việc dân việc nước được.

Mục-dịch việc khảo-thí là để lựa chọn lấy những người nào thuộc lịch-sử nước nhà, vì có thuộc việc cũ thì mới biết khéo lựa-lọc mà thích-dụng về việc mới được.

Lúc thi thì có các quan-trưởng, các quan giám-khảo, một đôi khi lại có cả Hoàng-đế nữa, đều để ý xét xem các thí-sinh giảng những bài trong các « kinh-diễn » có đúng không.

Xem đó thì có thể nói được rằng nước Tàu có ba thứ quyền quan-hệ nhất, tức là quyền hành-chính, quyền khảo-thí và quyền kiểm-sát.

Theo như chính-thể lập-biến mới thì nước Tàu muốn cho ngoài ba quyền hành-chính, lập-pháp và tư-pháp, như các nước Âu-tây, lại thêm quyền khảo-thí và quyền kiểm-sát nữa.

Đó là lý-thuyết như vậy, nhưng về việc thi-hành thì chưa lấy gì làm hoàn-toàn cho lắm, vì có khi quên đi không nghĩ tới nữa. Nhưng cũng nên biết cho rằng trong khi thi-hành chính-sách mới-mẽ đó, thường gặp phải nhiều nỗi khó-khăn về đủ mọi phương-diện...

Cái cách dạy trẻ cho đi thi bằng phép giảng sách cũ đó, về đường « su-phạm » cũng đã khá cho là lạ rồi, vì các nhà su-phạm đời xưa (nước nào cũng vậy) đều cho trẻ con là những người lớn « thu nhỏ » lại, thế là lầm to. Các nước Âu, Mỹ, mới đây, mới ra công khảo-sát về tâm-lý trẻ con, mà cũng mới đây mới hay rằng tâm-lý trẻ con nó khác tâm-lý người lớn nhiều lắm.

Các nhà su-phạm Tàu xưa cũng hiểu lầm như vậy. Thầy giáo Tàu cũng như thầy giáo Pháp xưa, dạy học-trò chữ Hán hay chữ Pháp, nhưng dạy là dạy cho chúng biết nhận mặt chữ, biết đọc cho trôi-chảy mà thôi, chứ không biết giảng-nghĩa những chữ đó. Dạy như vậy là yên trí rằng học-trò khi nào đọc được chữ là sẽ tự-khắc hiểu được nghĩa. Ấy là họ tập-luyện tư-tưởng một cách gián-tiếp như thế đó.

Tôi còn thấy thi-hành cách dạy đó ở một cái trường nhỏ tại Hàng-châu. Trường đó ở một cái trại, do ông chủ-trại tự trông nom. Lớp học thì ở gian giữa, một bên là nhà của ông « đốc », một bên là « chuồng lợn » ! Ngăn lớp học với nhà ở và chuồng lợn thì có hai cái phên cao không quá đầu người. Một ông đồ già coi năm sáu đứa trẻ đang mài-miệt học một quyển sách võ lòng chữ Hán. Từ sáng đến chiều phải chăm-chỉ học cho kỹ thuộc lòng những bài ông thầy cho, học gia-giã như quốc kêu mùa hè, chẳng hiểu chi chi cả, lúc đã thuộc thì quay lưng vào thầy giáo mà đọc, đọc cho thiệt mau, không được ngó vào sách mà cũng không được ai nhắc.

Cứ học như vậy mà luyện được trí nhớ lâu trẻ, chúng nhớ rất kỹ được rất

nhiều điều hay. Kề cũng thần-tinh lắm. Vậy chỉ còn chờ ngày tri-khôn tới trình-độ hiểu được những tư-tưởng đã thu-nhập vào óc nữa mà thôi, thành thử ra những điều đáng biết vào lúc thiếu-thời thì đến lúc đứng tuổi mới hiểu rõ !

Người nào mà học được đến nơi đến chốn thì tất là hiểu biết được nhiều điều hay.

Cách đó bây giờ không ai dùng tới nữa. Họ bỏ mà dùng cách mới, tức là theo cách « chữ nào nghĩa ấy » vậy.

Mãi đến cuối thế-kỷ thứ XIX, ông Vua cuối cùng ở nước Tàu (vua Quang-tự) mới nghĩ cách cải lại việc học theo Âu-Tây, cho nên các trường đại-học, trung-học và tiểu-học mới tuần-tự lập ra. Cải-cách như vậy cũng không phải là không gặp nhiều nỗi khó-khăn. Bà Hoàng-hậu (Tì-Hi) cầm quyền-chính hồi đó, vốn là người hay câu-nệ các cổ-tục, hết sức ra công phản-đối.

Hoàng-đế liềm mình ra bênh-vực chính-sách mới, nhưng rồi kết-cục cũng đến bị cái phong-trào phản-động do giặc Quyền-phỉ (Boxers) nổi lên phá đổ. Phái này phản-đối hết cả những chính-sách cùng tư-tưởng ở ngoại-quốc truyền-bá sang nước Tàu.

Sự phản-động đó làm cho các nước phải can-thiệp tới và đòi nước Tàu phải bồi-thường cho họ một món tiền cũng khá to. Sở-dĩ có sự can-thiệp của các ngoại-bang, là vì thừa trước nước Tàu cũng có giao-thiệp với các nước Âu-Tây, giặc Quyền-phỉ (Boxers) phản-động lên như vậy là có hại cho quyền-lợi các nước lắm. Món tiền bồi-thường đó sẽ đem chia ra cho 19 nước đã hiệp-lực đánh đổ đảng Quyền-phỉ, tùy theo nước nào thiệt nhiều hay ít. Nhưng định rằng tiền đó sẽ dùng để mở-mang việc giao-

lẽ của các nước Âu-Tây với nước Tàu, nhất là mở-mang về việc học.

Vậy cho nên thoạt đầu tiên thì nước Hoa-kỳ, rồi đến nước Pháp, nước Anh, nước Đức... đều thi nhau mở các trường trung-học và đại-học để gây dựng nên ít người biết cách tổ-chức cùng quản-trị, theo phương-pháp Âu-Tây. Người Hoa-kỳ có mở ở Đông-kinh một trường Đại-học gọi là « Thanh-hoa đại-học-đường » (*Tsing-Houa*). Học-sinh học ở đấy ra, được cấp học-bổng qua bên Mỹ để tốt-nghiệp.

Các trường Đại-học Mỹ được các giáo-đoàn đạo « Tin-Lành » (*Protestants*) giúp nên ngày càng mở-mang to-tát lắm.

Còn có nhiều trường nữa của Pháp, của Anh và của Đức.

Các trường đó không có liên-lạc gì với nhau cả, dựng nên cũng không có mục-đích chung, mà phân chia ra cũng không đều, nơi nhiều nơi ít, không theo sự cần-thiết của dân bản-xứ.

Cũng có nhiều trường sơ-học do các cố-đạo mở ra, nhưng chỉ cốt để truyền đạo-giáo mà thôi. Những trường này chắc cũng chẳng được nhiều người học. Vì dân Tàu về trình-độ luân-lý chẳng kém gì các dân Âu-Tây, họ không cần phải đến đó mà học về đạo-lý, nhiều khi cũng chỉ vì ham có thực-lợi mà tới thôi.

Nhưng từ ngày Chính-phủ Quốc-dân của Tôn Dật-Tiên (*Sun-Yat-Sen*) lên thay, thì tình-thế lại đổi ra khác hẳn.

Dân Tàu (hơn 450 triệu người) có tới ngoài 40 triệu trẻ con đến tuổi đi học. Dạy-đỗ bọn đó, vấn-đề ấy mới to-tát làm sao ! Vậy mà trong có mấy năm trời, Chính-phủ mới thắng-đoạt được mọi nỗi khó-khăn mà lập nên một số

trường có thể dung-nạp được 8 triệu trẻ con.

Không những thế, lại định được một cái chương-trình rõ-ràng giản-dĩ dễ mà giáo-dục lũ thiếu-niên đó.

Mấy điều cốt-yếu trong chương-trình đó, tóm-tắt như sau này :

10 — *Mở - mang tư - tưởng quốc - gia* : Phải căn-cứ vào cái văn-hóa cổ-hữu của Tàu mà nâng cao lòng ái-quốc của cả dân-tộc Tàu, tức là phần tư loài người.

20 — *Thực-hiện chủ-nghĩa dân-chủ* : Muốn được vậy cần phải dạy cho dân-chúng có đức công-dân, biết trọng pháp-luật và có lòng trung-trực.

30 — *Mưu-cầu hạnh-phúc xã-hội* : Như vậy thì trong nước ai cũng phải có kế sinh-nhai, mà muốn cho có kế sinh-nhai thì không gì bằng dạy cho dân có nghề-nghiệp.

Các ủy-hội mưu-tính các việc đó định lập ra một bộ Quốc-dân giáo-dục để thế cho các chế-độ khảo-thí khi xưa.

Bộ Quốc-dân giáo-dục ấy cũng theo một mục-đích như ở nước Pháp, cũng xếp đặt như ở Pháp, nhưng chưa lấy gì làm tiến-bộ lắm. Công việc làm phần nhiều còn do ở ý muốn của các địa-phương, chứ Bộ trung-ương cũng chưa sáng-kiến được điều gì to-tát.

Nước Tàu có cả bảy 18 tỉnh, ba đạo tức là Mông-cổ, Tây-tạng và Mãn-châu (*Mongolie, Thibet, Mandchourie*).

Chánh-phủ Trung-ương thì coi các trường đại-học, còn các tỉnh thì chủ-trương các trường trung-học. Các trường tiểu-học là việc của các quận (*districts*, cũng tỉ như các hạt của nước Pháp. Các quận đó lại chia ra nhiều bộ-phận nhỏ nữa, cũng ví như các tổng vậy.

Về vấn-đề tài-chính thì đã có các làng các tổng chịu, các quận, các hạt cũng có đóng-góp ít nhiều, còn tư-gia một đôi khi cũng có lòng giúp đỡ.

Về việc kiểm-sát các trường thì hiện nay đang trừ-tính, vì số các viên thanh-tra học-chánh còn ít-ỏi lắm.

Muốn biết rõ tình-hình việc học nước Tàu ra sao, hãy lấy việc học ở tỉnh Triết-giang (Tché-kiang), thủ-phủ là Hàng-châu (Hang-Tchéou) ra làm thí-dụ thì khắc hiểu.

Ở đó công-quỹ thì không có, chỉ có những món thuế bất-thường để chi-dụng về mọi việc mà thôi. Vì vậy cho nên thuế đóng bao nhiêu và để tiền về những việc gì đều có cho rõ cả. Đại-khái như : bao nhiêu về thuế thổ-trạch phải đóng vào quỹ nhà-nước, bao nhiêu tiền phải đóng để chi-phí về việc hàng lính, bao nhiêu nữa phải đóng để chi-dụng về việc tiểu-học...

Trong những thứ thuế đã kể trên, có rất nhiều các thứ thuế lật-vật như thuế thay vào thuế gạo, thuế văn-tự, thuế các hàng bán thịt, thuế các đồ xa-xỉ-phẩm, thuế các bất-động-sản, thuế các đền chùa, các điện, thuế về tục mê-lú (như bói-toán, v.v...)

Nói tóm về việc học nước Tàu ngày nay

Bậc tiểu-học. Thì có :

- A — Các Ấu-trĩ-viên (*écoles maternelles*) hay là *Kindergarten*. Những trường này chỉ có một vài tỉnh có mà thôi. Nhưng rất ít học-trò.
- B — Các trường tiểu-học hạng dưới (*écoles primaires inférieures*) (niên-hạn là 4 năm) cho những trẻ con từ 6 đến 10 tuổi.

C — Các trường tiểu-học hạng trên (*cours supérieurs des écoles primaires*) (niên-hạn hai năm).

D — Đến đó có thể lên luôn ban trung-học hay là theo ban *Continuation Schools* cũng tương-tự như các lớp bổ-trợ cho bậc tiểu-học cho đến năm 14 tuổi.

E — Các trường Sư-phạm thôn-quê. Trường này đào-tạo nên các nhà giáo-học lương mỗi tháng chừng độ 90 cho đến 120 f. Các nhà giáo đó thường đốc lòng dạy-đỗ trẻ con lắm.

Cách dạy học bây giờ vừa dạy cho biết mặt chữ, cho biết cách đọc cho đúng và lại vừa giảng nghĩa cho rõ-ràng nữa.

Trẻ con Tàu có tài vẽ giỏi, lại có con mắt nhận các nét vẽ rất sành, cho nên trong sự học-tập cũng có điều dễ-dàng. Bản-tính dung-dị, lại ôn-hòa, trẻ con Tàu trong khi học-hành tại trường thường tỏ ra ý vui-vẻ hoạt-động lắm,

Các trường Trung-học ngày nay đã khác các trường trung-học hồi trước, nhưng vẫn còn chưa thoát khỏi cái thói trọng hư-văn (*verbalisme*).

Về bậc này học-trò phải học chữ ngoại-quốc nhiều quá, nhất là về các môn khoa-học (thường dùng tiếng Anh). Vậy cho nên việc học cũng hơi có vẻ nặng-nề. Nhiều lúc chẳng khác gì sống vào thời-đại cũ, vì chỉ học như vẹt mà thôi, không mấy khi dùng đến trí-khôn để phán-đoán.

Như một bữa tôi lại coi giảng một bài toán, tôi thấy ông thầy cầm một quyển sách của người Mỹ, ra công mà giảng thật to. Học-trò mỗi người một quyển sách hết sức chú-ý vào mà nghe,

chẳng khác gì ta nghe giảng, một bài văn!

Về việc giáo-dục, nước Tàu ngày nay, những công-cuộc hiện đã thi-hành được như sau này:

A — *Bậc tiểu-học.* Có đủ trường cho 8 triệu học-sinh nhỏ. Toàn con trai cả. Vì theo tư-tưởng cũ thì con gái lớn lên chỉ cốt làm sao về sau nên người mẹ hiền, người nội-trợ giỏi, vậy là đủ. Chính-phủ mới, có ý muốn cho con gái cũng được học-hành như con trai và học-hành lẫn-lộn với nhau, nhưng dân-gian chưa hiểu thấu những ý mới đó.

Ngoài những trường đó ra lại còn có những trường dạy theo lối cổ nữa. Những trường đó tất cả là bao nhiêu và có bao nhiêu học-trò thì không thể nào biết dùng được.

B — *Bậc trung-học.* Bậc này lại còn chia ra làm hai ban nữa, ban học phổ-thông và ban học nghệ-nghiệp. Ở những trường đó, cách dạy học chưa được chỉnh-đốn, và cách tập nghệ cũng chưa được hoàn-toàn.

Sở-dĩ như vậy là vì không có sách dạy bằng chữ Tàu, và môn gì cũng phải dùng đến tiếng ngoại-quốc. Cho nên nếu có thể sáng-chế ra một thứ tiếng Tàu dùng về khoa-học được thì may-mắn lắm. Việc đó cũng khó-khăn, nhưng nếu có công chịu khó thì cũng có thể làm được.

C — *Bậc cao-dẳng.* Về phần khoa-học thì chuyên về mặt thực-hành. Ở

nhiều trường, các khí-cụ để học-tập được đủ cả, nhưng học-sinh học là học để biết những cái máy đó người ta sáng-chế nó ra thế nào và cách dùng của nó thế nào mà thôi, chứ không học vì lẽ gì mà máy chạy được.



Dù thế nào mặc lòng, cũng nên vui lòng mà ngợi khen Chính-phủ Tàu đã có công rèn-luyện cho dân-chúng được có chút học-thức như ngày nay.

Ít lâu nay lại có phong-trào ưng mở những lớp dạy người lớn đã quá tuổi đi học các trường (dạy cho biết đọc, biết phép vệ-sinh, biết đạo làm dân và biết một vài nghề-nghiệp).

Ở hạt *Ting-Hsien*, gần Bắc-kinh, cái phong-trào đó thịnh lắm. Có đặt một hội-dồng chuyên-môn, chọn lấy chừng hơn một ngàn chữ Hán thật cần-dùng, để dạy cho những người lỡ tuổi đó, cho mau biết chữ.

Ban Hội-dồng đó lại cho in và bán những cuốn sách riêng để hiểu, để học, mà bán cho học-trò, nhưng muốn cho họ có thể đọc mà hiểu được những sách đó, thì ít ra cũng mất bốn tháng học-tập, mỗi ngày hai giờ.

Học-trò những trường đó bết sức học-hành, chăm-chỉ một cách lạ thường, các thầy giáo thì ra công dạy-tập. Một dân thông-minh, siêng-năng, có não mĩ-thuật, có lòng nhân-đạo như dân nước Tàu, tôi rất có hi-vọng rằng nước đó sẽ trở nên một cường-quốc.

Mỹ-Ngọc dịch-thuật

— ≡ ĐỜI SÙNG ĐẠN ≡ —

■ Một truyện trinh-thám mạo-hiểm hồi Âu-chiến (1) ■ V

Mạch-Hải ở trong cửa hàng rượu đi ra, còn đang bàng-khuàng đứng ở đầu đường chưa biết nên đi về ngã nào thì chợt có một người con gái thướt-tha đi đến. Người con gái ấy đang đi, thốt-nhiên bị một chàng say rượu ở bên đường xông đến túm lấy toan làm những sự hung-ác. Người con gái sợ hãi kêu la rầm-rĩ, làm cho Mạch-Hải vốn tính nghĩa-hiệp, giữa đường thấy sự bất-bình như thế lẽ nào làm thinh đi được, mới nổi giận nhảy đến túm lấy ngực chàng kia hết sức quật mạnh một cái. Chàng say rượu ngã rúi xuống đất rồi ngóc dậy ù té chạy. Người con gái làm ra vẻ may-mắn mừng-rỡ, đến trước mặt Mạch-Hải tạ ơn :

— Thưa ông, vừa rồi tôi bị thằng cuồng dại nó làm nhục, nhờ ông cứu cho, thực là may cho tôi lắm.

Mạch-Hải tỏ ý khiêm-tốn. Người con gái liền rút ở cái túi da cầm tay ra một cái danh-thiếp đưa cho Mạch-Hải. Mạch-Hải cầm lấy xem, thấy đề bốn chữ: *La-Na Lôi-Khắc*, chàng chợt sùng-sốt hỏi :

— Có có họ với Lôi-Khắc tướng-quân ?

Người con gái vui vẻ đáp :

— Vâng, Lôi-Khắc tướng-quân là anh tôi. Ông cũng biết anh tôi ?

— Phải, ông ấy là người bạn già của tôi. Tôi muốn gặp ông ấy đã lâu mà vẫn chưa được gặp. Có Lê-Ti nói với tôi rằng ông ấy sang Âu-châu chẳng biết có thực không ?

Người con gái lắc đầu :

— Bậy, anh tôi vẫn ở nhà, nếu ông muốn gặp, tôi xin đưa ông đến.

Mạch-Hải mừng lắm nhận lời ngay, liền gọi một chiếc xe hơi hai người cùng đi, có biết đâu rằng La-Na Lôi-Khắc tức là á La-Na nữ thám-tử của Đức thi-hành cái kế thứ hai của Lỗ-Lan. Chúng biết rằng Mạch-Hải đang muốn gặp Lôi-Khắc tướng-quân nên mới mạo cái danh-thiếp ấy. Quả-nhiên Mạch-Hải mắc lừa sa vào lưới của chúng rồi.

■

Lê-Ti bị bọn thám-tử Đức bắt đem về Lỗ-Lan y-viện giam vào phòng riêng của La-Na. Lê-Ti ngồi yên một lúc lâu tâm-thần mới định, nhìn ra chung quanh phòng để tìm một chỗ thoát-

(1) Xem Nam-Phong từ số 197.

thần, nhưng làm thế nào được, vì cửa lớn cửa nhỏ đều khóa kỹ cả. Nàng nghĩ mãi mà cũng không nảy ra được một phương-pháp nào. Chợt thấy trên tường có một cái cái lỗ nhỏ tròn độ ba tấc, nàng thò ngón tay vào xem thì thấy một cái ống sắt giống như cái ống dẫn hơi than đá để thắp đèn, nhưng bên ngoài cái lỗ ấy không mắc một cái đèn nào, vậy cái ống sắt ấy nàng không biết dùng để làm gì. Nàng ngẫm-nghĩ hồi lâu mới chợt lĩnh-ngộ, biết rằng cái ống sắt ấy là cái vật giết người của đảng trịnh-thâm Đức. Nếu có người nào bị giam cầm ở trong phòng, bên ngoài chúng sẽ do cái ống sắt ấy tháo hơi than đá vào đầy phòng, người bị giam tất chết ngạt. Nàng nghĩ đến đây bất-giác sợ hãi, vội-vàng đánh một cái diêm đi vào miệng lỗ thử xem, thì không thấy lửa cháy, biết rằng bên ngoài chưa tháo hơi vào, trong lòng mới hơi yên. Nhưng nàng nghĩ chỗ nguy-hiểm này phải mau mau tìm kế thoát-thân, song nàng đã tìm trăm phương nghìn kế rồi mà vẫn chưa có kế nào ra được, trong lòng hồi-hồi lo-lắng, đứng ngồi không yên. Lúc ấy nàng chợt nghe thấy ở ngoài thang gác có tiếng giầy cồm-cộp như ở dưới đi lên, cái thần-trí thiêng-liêng chợt động, khiến cho nàng nghĩ ngay ra được một kế. Nàng nhìn chung quanh thấy ở góc phòng có một cái gậy gỗ, liền chạy ra nhặt lấy rồi nấp vào đằng sau cửa nín hơi đề-đợi. Một lúc cánh cửa từ từ mở ra, một người con gái thông-thả bước vào, cứ-chỉ điềm-nhiên dường như không biết rằng trong phòng có Lê-Ti.

Người con gái ấy là ai? Đó là nữ thám-tử của Đức, nàng La-Na.

La-Na dụ được Mạch-Hải rồi, cùng ngồi xe hơi đến con đường Mai-nạp, đỗ trước một tòa nhà lớn. La-Na vui vẻ nói: Đây rồi! Rồi đây cửa đi vào, Mạch-Hải theo sau. Đi hết cái lối đi nhỏ thì đến một cái thang bằng đá lóng-lánh như dát vàng, rất là mát-mẻ sạch-sẽ. Bên trái cầu thang là một cái phòng khách. Cửa phòng đóng chặt, La-Na lấy chìa khóa mở rồi mỉm cười mời Mạch-Hải vào. Mạch-Hải không nghi-ngờ gì, thần-nhiên bước vào. Không ngờ Mạch-Hải vào rồi, La-Na thừa lúc chàng không đề-ý, liền lên ra ngoài đóng sập ngay cửa khóa trái lại, rồi ra xe đi. Đến Lô-Lan y-viện, nàng toan đem sự bất-độc Mạch-Hải nói cho bộ-trưởng là Lô-Lan biết, nhưng Lô-Lan lại đi vắng chưa về, nàng mới lên thang gác về phòng riêng của mình. Chẳng ngờ vừa mới mở cửa vào liền bị một gậy của Lê-Ti phang rất mạnh xuống đầu, ngất đi ngã gục xuống. Lê-Ti mở cửa chạy ra, sau chợt nghĩ lại trở vào, cởi hết quần áo của mình ra đánh đổi cho La-Na. Nàng mặc quần áo của La-Na rồi kéo cái mạng che mặt xuống, ra đứng trước gương soi, thì quả là La-Na chứ không phải Lê-Ti nữa. Nàng vui mừng đi ra khóa cửa lại, ung-dung xuống thang gác, ý định đi ra cửa rồi trốn đi. Không ngờ mới đi được một tí, xa trông đằng trước mặt một thiếu-niên đối-diện đi lại. Thiếu-niên trông thấy Lê-Ti vui mừng reo lên:

— La-Na! Tôi tìm nàng mãi! Nàng ở đây đây á?

Lê-Ti nhìn kỹ thiếu-niên, bất-giác giật nảy mình. Nào có phải ai đâu, chính là Phật-Lai.

Nguyễn Phật-Lai ở hàng rượu về,

vào yết-kiến Lỗ-Lan. Lúc ấy Lỗ-Lan đã về, đang hội-họp với đồ-dăng ở phòng giấy. Phật-Lai vào liền hỏi :

— Cô La-Na về chưa ?

Lỗ-Lan đáp :

— Chưa.

Phật-Lai kinh-ngạc :

— Cô ấy cùng đi với Mạch-Hải đem giam hãm ở cơ-quan đường Mai-nạp, cứ tính ra thì bây giờ công-việc có thể xong được rồi, sao lại chậm-trễ thế ? Hay là có xảy ra sự gì trở-ngại chăng ?

Lỗ-Lan nói :

— Anh không lo, tôi xem La-Na là người khôn ngoan, chắc không xảy ra sự gì. Nay tôi có việc này muốn nói với anh. Đàng ta đã bắt được Lệ-Ti và giam ở phòng La-Na rồi, ý-kiến anh thế nào ?

Phật-Lai nhăn trán nói :

— Con Lệ-Ti nó giáo-quyết lắm, dốt nó ở trong phòng sợ rồi sinh biến gì chẳng. Cứ như ý tôi thì nên giết ngay đi để trừ hậu-hoạn là hơn.

— Giết đi càng hay, vậy anh đảm-nhiệm lấy việc ấy.

— Dễ-dàng lắm.

Nói rồi Phật-Lai đến trước cái tủ sách lấy tay đẩy hàng sách thứ hai ở trên giá bên phải. Trên giá sách thật sách giả lẫn-lộn. Nguyên sách giả chỉ là một cái vỏ sách bằng gỗ mỏng còn ruột thì rỗng không. Nhác trông qua thì sách thật với sách giả y như nhau, không ai phân-biệt được. Lúc ấy Phật-Lai lấy ngón tay chạm vào một quyển sách, tức thì quyển ấy mở ra thành một cái cửa con, bên trong có đặt một bộ máy để tháo hơi than đá. Phật-Lai thò tay vào mở máy, xong rồi quay lại nói với bọn Lỗ-Lan :

— Từ ngày đặt cái máy này chưa dùng đến lần nào, hôm nay mới thử nghiệm là lần thứ nhất. Tôi chắc chỉ trong nửa giờ là Lệ-Ti phải chết. Giết người như thế tiện bằng mấy giết bằng súng với bằng dao.

Chúng đều lấy làm phải mà khen-ngợi. Phật-Lai đắc-ý lắm, nhưng nghĩ đến La-Na thì lại áy-náy, bèn nói với Lỗ-Lan :

— La-Na vẫn chưa thấy về, tôi lấy làm quan-tâm lắm, ý tôi muốn thân-hành đi tìm, ông có bằng lòng không ?

Lỗ-Lan bằng lòng, Phật-Lai mới đi ra, định lên gác tìm thì giữa đường gặp Lệ-Ti, tưởng là La-Na thật mới vui mừng chạy đến nói huyền-thiên. Lệ-Ti sợ lộ chân-tướng nên chỉ gật gật chứ không nói. Phật-Lai khoác tay Lệ-Ti sánh vai cùng đi đến phòng giấy. Lỗ-Lan trông thấy Lệ-Ti cũng tưởng lầm là La-Na, thấy nàng không việc gì lấy làm mừng, mới quay lại bảo Phật-Lai :

— Anh đã đánh ngạt Lệ-Ti rồi, thế là kinh-dịch của ta đã trừ được một đứa. Nhưng còn Mạch-Hải giam ở cơ-quan đường Mai-nạp là một thằng biết nhiều điều bí-mật của nước ta, lại càng nên giết đi lắm. Nay anh đi hạ-thủ nó cho xong việc ấy đi.

Phật-Lai khảng-khái nhận lời, duy xin cho một người để trợ lực.

Lỗ-Lan nói :

— Đấy, tùy anh muốn dùng ai thì chọn lấy.

Phật-Lai trở vào Lệ-Ti :

— Cô La-Na này có được không ?

Lỗ-Lan cười :

— Thế thì còn gì bằng nữa. Anh với La-Na đi thì việc tất xong. Thôi đi

đi. Việc này quan-hệ lắm đấy, phải cho cần-thận đừng để nó trốn mất.

Phật-Lai vâng lời giắt tay Lệ-Ti cùng ra.



Mạch-Hải trúng kế của La-Na bị đối ở cơ-quan của đảng trinh-thám Đức, lấy làm tức bực khờ sở lắm. Chàng hết sức phá cửa đề ra nhưng cửa kiên-cố lắm, phá mãi mà cũng không chuyển chút nào. Mạch-Hải thất-vọng ngồi phịch xuống cái ghế nhìn ra chung quanh để tìm lối thoát thân, chợt thấy trên cái bàn tròn ở trước mặt có một chai rượu và một cái cốc pha-lê sẵn-sàng. Mạch-Hải trông thấy rượu, cái tỉnh cũ lại nảy ra, mới chạy đến vớ lấy chai rượu toan rót ra cốc để uống, nhưng lại nghĩ đến lời khuyên bảo của Lệ-Ti thì cái tay cầm chai rượu tự-nhiên rụt lại, nhất-thời chính nghĩa và tư-dục giao-chiến với nhau, trong tâm không biết quyết về bề nào. Ngâm-nghĩ hồi lâu, chàng mới cả quyết đập bàn nói rằng :

— Minh đã thề tuyệt-giao với rượu rồi kia mà ! Uống làm gì nữa ! Nếu uống nữa thì là đối người và đối mình, còn mặt mũi nào trông thấy Lệ-Ti ! Huống chi rượu này nếu là của Đức nó đề đấy biết đâu lại chẳng là rượu độc, mình uống vào trúng phải kế nó, chẳng hóa ra mình lại tự hại cái thân hữu-dụng của mình !

Thế là Mạch-Hải nhất-định không uống nữa, bỏ chai rượu đấy, đi đi lại lại trong phòng, chợt ngừng đầu lên, chàng trông thấy một bức ảnh của Đức hoàng treo trên tường, bất-giác nổi giận, hăm-hăm cầm chai rượu ở trên bàn ném đánh chát một cái, chai rượu

vỡ toang mà bức ảnh cũng vỡ toang. Chợt một vật ở đằng sau bức ảnh rơi xuống lòng-thông lơ-lửng ở giữa nhà, Mạch-Hải cầm lấy xem thì là một cái ống nói của bộ máy điện-thoại. Xét ra chỗ giầy nói thông vào trong phòng ở đằng sau bức ảnh. Mạch-Hải vô-linh lìm thấy mừng quá, liền gọi đến số cảnh-sát Nữ-ước cầu cứu, tức thì được viên cảnh-sát-trưởng trả lời rằng sẽ cho người đến cứu-viện ngay. Mạch-Hải mừng rỡ, bấy giờ mới yên lòng ngồi đợi cảnh binh đến.



Lệ-Ti và Phật-Lai cùng ngồi xe hơi đi, không dám nói năng gì cả. Phật-Lai nhìn không được mới ôm lấy Lệ-Ti loan hón, Lệ-Ti né mình kháng-cự. Phật-Lai ngạc-nhiên, nghĩ thầm mình với La-Na yêu nhau đã lâu sao hôm nay nàng lại cự-tuyệt mình như thế, mới bảo Lệ-Ti :

— La-Na ! Sao hôm nay em cứ lì-lì không nói một lời nào thế ? Mà xem ra em không có vẻ vui, hay là em giận gì anh ?

Lệ-Ti vẫn cứ ngồi im như cũ, Phật-Lai lại càng nghi, thừa lúc Lệ-Ti vô-ý, anh ta lật ngay cái mạng che mặt lên. Cái mạng vừa kéo lên, Phật-Lai giật nảy mình, bất-giác kêu lên :

— Lệ-Ti ! Thế La-Na đâu ??

Lệ-Ti lúm-lúm cười nhạt :

— La-Na ấy à ? Tao đã đánh cho chết ngắt ở trong phòng của nó rồi.

Phật-Lai nghe nói tái người đi, sắc mặt sạm ngắt, kêu lên :

— Trời ơi !... La-Na ! .. Hơi ngạt !... Trời giết La-Na của tôi !

Lệ-Ti ngồi ở bên cạnh cười gằn :

— Mày định dùng hơi ngạt giết tao, bắt-đồ lại giết La-Na. Bây giờ La-Na chết rồi, còn nói gì nữa. Trời có xa đâu!

Phật-Lai đau-đớn phần-nất quá, thịnh-nộ nổi lên như một con sư-tử dữ, nghiêng răng lại hóp cổ Lệ-Ti mà quát lên:

— Đồ chó! Đồ khốn-nạn! Mày giết La-Na thì tao phải giết mày mới hả cái giận này.

Lệ-Ti bị hóp cổ gần chết ngạt, cổ rầy-rụa dấm dά Phật-Lai. Phật-Lai rút súng lục ra dí vào ngực Lệ-Ti mà cười lớn:

-- Mày là hung-thủ giết người, nhưng tao không giết mày vội. Mày thân với Mạch-Hải, để tao mượn cái tay mày giết Mạch-Hải chơi. Nếu mày trái với tao thì sọ mày sẽ tan ra từng mảnh.

Lệ-Ti vì khẩu súng kề tận ngực nên lặng im không dám động. Phật-Lai sai tài-sế mở hết máy cho xe chạy thật nhanh, chiếc xe vùn-vụt như bay thẳng đến con đường Mai-nạp.

Mười-lăm phút sau, Phật-Lai với Lệ-Ti đã đến bố-cơ-quan của đảng trinh-thám Đức. Phật-Lai chĩa súng vào Lệ-Ti đi kèm. Đi hết con đường nhỏ, đến cái cầu thang bằng đá, hai người trèo thang cùng lên. Bên tả cái thang là một cái tường bằng đá xanh. Trên tường có hai miếng đá lớn hình vuông và hình dài. Một cái ngang một cái dọc như hình chữ thập. Phật-Lai lấy ngón tay ấn vào một chỗ ở tường, trong nháy mắt đá chuyển-động rồi hiện ra một cái cửa sổ hình chữ thập. Lệ-Ti ghé đầu vào dòm thì ra bên trong cái tường ấy là một cái phòng khách trang-hoàng đẹp lắm. Mạch-Hải đang

buồn-rầu quanh-quẩn ở trong phòng. Lúc ấy Mạch-Hải ngẫu-nhiên quay lại bỗng thấy trên tường đột-nhiên hiện ra một cái cửa sổ, mà Lệ-Ti lại đứng kề ngay đấy về mặt có dáng lo buồn, chàng lấy làm lạ, đứng ngậy người ra nhìn không hiểu là có làm sao. Phật-Lai đứng bên ngoài tường trông thấy, bèn rút một khẩu súng đưa cho Lệ-Ti, cưỡng-bách nàng phải cầm lấy mà nói:

-- Hẹn cho mày trong nửa phút phải bắn chết Mạch-Hải, nếu trái thì súng của tao sẽ hóp cổ, đầu mày sẽ vỡ.

Lệ-Ti tuyệt không dám phản-kháng chút nào, cầm lấy khẩu súng chĩa vào Mạch-Hải như sắp bắn, nhưng tay trái ngấm lấy súng của mình ra, kín đáo đưa sang vách bên phải, một tiếng nổ vang, Phật-Lai liền ngã gục xuống. Lệ-Ti quay mình lại, tức thì hai tiếng súng nổ liền. Phật-Lai bị một lúc ba viên đạn chết ngay lập-tức. Mạch-Hải ở bên phòng khách lấy làm mừng quá, vira toan trèo cửa sổ ra thì .. đại-đội trinh-thám Đức ập đến.

Nguyên Phật-Lai đi rồi, Lỗ-Lan sai đảng viên lên gác xem Lệ-Ti sống chết thế nào. Đảng-viên lên đến phòng La-Na, lấy chìa khóa mở cửa, bịt mũi mà vào. Lúc bấy giờ La-Na đã bị hơi ngạt làm chết cứng nằm ở dưới sàn. Bọn đảng-viên Đức thấy Lệ-Ti bỗng nhiên hóa ra La-Na thì giật mình, trông nhau mà kinh-ngạc, vội-vàng chạy xuống báo cho Lỗ-Lan. Lỗ-Lan nghe nói cũng kinh-hoàng, rồi mới giật mình sức nghĩ ra, quay lại báo với đồ-dảng:

— Thôi phải rồi. Con mụ cùng đi với Phật-Lai lúc nãy không phải là La-Na mà chính là Lệ-Ti nó đội lối rồi. Con ấy nó giảo-quyết như thế thì Phật-Lai nguy mất. Bây giờ tất cả các

anh phải mau mau đi cứu Phật-Lai, may ra Phật-Lai thoát được nạn cũng chưa biết chừng.

Chúng đều dạ vang rồi chạy ủa ra xe hơi phóng đến đường Mai-nạp. Đến nơi ủa cả vào, chợt nghe thấy mấy tiếng súng nổ liên, cả sợ, mới mở cửa phòng khách sẵn vào. Mạch-Hải thấy đảng Đức đến đông, nắm tay lại đứng thủ thế, khi bọn đó đến gần là chân đá tay đấm, đánh cho túi-bụi lung-tung, bọn Đức bị thương ngã xuống cũng nhiều. Mạch-Hải thừa-cơ nhẩy ra cửa chạy trốn. Đảng Đức hó lên đuổi theo. Đuổi đến đầu cầu thang đá, Mạch-Hải tung thế lại quay lại đánh nữa, liền bị đảng Đức vây đánh chung quanh. Lúc bấy giờ Lê-Ti đứng ở đầu cầu thang trên, muốn lấy súng bắn đề trợ lực Mạch-Hải, nhưng bọn Đức vây Mạch-Hải kín quá, sợ bắn thì trúng phải Mạch-Hải chằng, nên không dám bắn. Chống-cự được một lúc, kết-cục Mạch-Hải bị chúng đánh ngã bị-thương.

Mạch-Hải ngã rồi, một tên Đức cầm con dao nhọn chực đâm vào ngực Mạch-Hải. Lê-Ti đứng ở trên đầu thang trông thấy sợ hết hồn quát lên, khẩu súng ở tay nổ liền theo tiếng kêu, tên cầm dao ngã xuống chết ngay lập tức. Chúng nghe thấy tiếng súng ngừng lên thấy Lê-Ti, mới xông lên vây đánh. Lê-Ti đang lúc thế có nguy-cấp, thì may sao, bọn cảnh-binh Mạch-Hải cầu cứu lúc nầy đã đến nơi, xông ủa vào như ong vỡ tổ, thanh-thế rất mạnh. Đảng Đức đột-nhiên thấy cảnh-binh ập đến một cách bất ngờ, luống-cuống sợ hãi, chạy trốn lần đi như đàn chuột. Cảnh-binh chia nhau ra truy-tầm tứ phía, tiếng súng nổ liên-thanh. Khoảnh-khắc đảng Đức tên thì bị giết-tên thì

bị thương, đều thúc-thủ đầu-hàng, không sót một mống nào trốn thoát,

Lê-Ti trên thang chạy xuống chỗ Mạch-Hải thì Mạch-Hải đã bất-tĩnh nhân sự chết ngất đi. Vừa lúc ấy viên cảnh-sát-trưởng cũng đem hồ-hạ đến, sai đem Mạch-Hải vào trong phòng khách đặt nằm trên một cái ghế dài. Viên cảnh-sát-trưởng thấy Mạch-Hải hầy còn mê-man chữa tỉnh, mới lấy ở trong túi ra một chai rượu, rỏ mấy giọt rượu vào mồm Mạch-Hải. Một lúc Mạch-Hải tỉnh dần, thấy trong mồm nhấm-nhấp hơi men, ngồi phắt ngay dậy đảng lấy chai rượu ở trong tay viên cảnh-sát-trưởng. Viên cảnh-sát-trưởng giật mình cùng với Mạch-Hải đảng co chai rượu. Lê-Ti thấy thái-độ Mạch-Hải như thế mới vợ lấy cái xích sắt của viên cảnh-sát-trưởng thừa lúc Mạch-Hải vô-ý, nằng sẵn đến xích ngay tay lại. Mạch-Hải gỡ không kịp, hết sức cự cũng không được, đành đứng quắc mắt lên nhìn rất lấy làm căm tức. Lê-Ti cầm lấy chai rượu mà nói với viên cảnh-sát-trưởng:

— Đang lúc nguy-khốn nhờ được ông cho người đến cứu, chúng tôi rất lấy làm may-mắn và cảm ơn ông lắm. Tôi là thám-tử của bộ bí-mật trinh-thám nước nhà. Những tên bắt được này xin nhờ ông giải đi cho, còn những công việc ở đây tôi xin liệu-lý lấy, không dám phiền ông nữa.

Viên cảnh-sát-trưởng bằng lòng, chào Lê-Ti rồi cùng với hồ-hạ áp-giải bọn trinh-thám Đức về sở.

Bọn cảnh-sát đi rồi, Mạch-Hải lại nằng-nặc đòi chai rượu ở tay Lê-Ti. Lê-Ti nghiêm-nghị cự tuyệt, Mạch-Hải phải cúi đầu van xin:

— Có ơi!... Rượu!... Có vì lòng

nhân của thượng-đế mà đưa chai rượu ấy cho tôi...

Lê-Ti điềm-nhiên nói :

— Nếu muốn được uống rượu thì tôi hỏi điều gì ông phải trả lời rõ-ràng, nếu không...

Mạch-Hải mừng cuống-quít :

— Có hỏi điều gì? có hỏi ngay đi?

— Điều tôi hỏi ông, là : những điều bí-mật của quân Đức.

Mạch-Hải lắc đầu :

— Những điều bí-mật thì nội-dung thế nào, tôi không được biết. Tôi chỉ biết tên đất chỗ bí-mật mà thôi. Bây giờ tôi đem tên đất ấy bảo cho cô, cô có thể cho tôi chai rượu kia không?

Lê-Ti gật đầu :

— Được. Ông cứ nói đi. Chỗ bí-mật ấy ở đâu?

— Ở bên Thụy-sĩ, qua rừng Âu-la thì đến. Tôi chỉ biết có thế thôi. Cô đưa chai rượu đây. Điều tôi nói đúng cả đấy.

Lê-Ti xét lời Mạch-Hải có vẻ ngay thật, mới cầm chai rượu dốc xuống,

rượu ở trong chai chảy ra òng-òc, trong nháy mắt chai rượu đã hết sạch. Mạch-Hải ngăn lại không kịp. Lê-Ti ném cái vỏ chai xuống bàn, nghiêm sắc mặt trách Mạch-Hải :

— Ông đã vào viện cấm rượu rồi mà chứng nào vẫn tạt ấy. Ông cứ say đắm về rượu mãi như thế thì thật là ông phụ cái lòng tôi ủng-hộ ông bấy nay. Ông thử nghĩ mà xem, phải hay không? Đi đi, ông Mạch-Hải ! Hiện nay Âu-chiến nguy-ngập, chính là lúc chúng ta háo dền nợ nước, rồi mai kia thế-giới hòa-bình, ông tha-hỗ mà say sưa túy-lúy, lúc bấy giờ cũng chưa muộn gì. Ông hãy nghe tôi, đừng cố-chấp nữa.

Mạch-Hải nin lặng một lúc rồi giận-dỗi nói :

— Có như thế thì nhân tâm thật. Cô bảo tôi đi đâu bây giờ?

— Đi đến rừng Âu-la tìm bí-mật chứ đi đâu.

(Còn nữa)

Tùng-Toàn dịch-thuật



VĂN-UYỂN

THƠ CỔ

Hải-thương Đình-trai tiên-sinh thi-tập

XXIX

Gặp quan Tổng-đốc Nguyễn Công-
Trứ và quan Tổng-đốc Thanh
Tôn-Thất Cung

Bỗng chốc may dẫu gặp giữa đường,
Hai ông Tổng-đốc kéo vô hàng ;
Quân-quyền ông nọ gồm ba cặp,
Khí-cụ ông kia hạt một' tràng ;
Ông quốc ông giầy hơi khác tiếng,
Ông thơ ông rượu giọng đôi làng ;
Ta xem trong cuộc hai ông ấy,
Chưa biết ông nào lại vẻ-vang.

XXX

Khe Nước-lạnh

Kìa Thanh-diện nọ lại hang Rươi,
Nước lạnh khe này núi bốn đời ;
Suối biếc mấy tua đồng rõ giọt,
Ngàn xanh một dải giá đưa hơi ;
Đài trì ai khéo đem xây thế,
Sơn thủy ta trông cũng lạ đời ;
Nói vậy nước này chưa hẳn lạnh,
Này pha một ấm thử coi chơi.

XXXI

Núi Đá-chẹt

Ừy đá dẫu kia khéo bất-tình,
Xô ra đứng chẹt quăng đường xanh ;
Hai bên giáp lại hơi khinh-khể,
Một lối thông qua chút đỉnh-dinh ;
Thế-lộ có đâu ngăn đón cõi,

Nhân-sinh ai chịu gánh nghiêng mình,
Bấy lán năm trước nghe còn chẹt,
Mới mở-mang rày đã rộng thênh.

XXXII

Thần Nghệ-an

Xưa nay cỡ-ngạn tiếng đồn vang,
Tôi hỏi giang-san chuyện mới tường ;
Khói ngất non Kiền nơi thủy-chùa,
Mây vẫn đỉnh Dạ miếu Dương-vương ;
Biển bia hai trượng còn sơn đá,
Kỷ án ba tòa vẫn khói-hương ;
Chung thượng một vài lầu điện nữa,
Còn ra đâu đấy cũng làm-thương.

XXXIII

Núi Đá-nhảy

(Tỉnh Quảng-bình)

Mông-ménh góc bề sóng tuôn dào,
Đá ở đâu đây nhảy mãi vào ?
Lấp-ló lớp sau theo lớp trước,
Xô-bỏ hòn thấp nổi hòn cao ;
Hay còn vóc ngọc lưng kia lá ?
Vậy quyết đường mây bước ấy sao ?
Tôi đó nhảy lên ta hỏi nó,
Mì còn nhảy được hưởng chi tao.

XXXIV

Cáo quan về

I

Một chữ « nhân » kia giá mấy mươi,
Trời chỉ ghen mãi chữa cho người ?
Non sông thoãn-thoắt chán qua lại,
Trăng gió tro-tro mặt nói cười ;

Vi khỏi duyên rồi khôn lánh phải,
 Chỉ còn chuyện ấy khéo trêu người ;
 Thân này chưa rõ tiên hay tục,
 Những muốn nhàn chơi vậy kéo lười

11

Những muốn nhàn chơi vậy kéo lười,
 Dở khôn dở dại dở trêu người ;
 Su-thừa thũng-thỉnh đi cùng dừng,
 Thù-phụng le-le nói lại cười ;
 Bào-hối xui ra tay bó chặt,
 Giang-sơn lặng đó mặt vênh người ;
 Một ngày là một sinh ra mãi,
 Mười một phần nay đã được mười.

THƠ KIM

Lời mẹ khuyên con gái

— Nay con hỡi, hãy nghe mẹ nói :
 Trời sinh ra đã gọi đàn bà ;
 Tuyết băng phải giữ thói nhà,
 Phong-tư yểu điệu, nết-na dịu-dàng.
 Cách ăn mặc xuềnh-xoàng cũng được,
 Đứng phần son, mặc-mặc là hơn ;
 Tối gỗ hơn lối nước sơn,
 Chỉ lo mất giá, chớ hờn muợn duyên.
 Phải giữ lấy cái tên thực-nữ,
 Đứng để cho hồ chữ thanh-xuân ;
 Thiếu gì cát-sĩ cát-nhân,
 Rồi ra có lúc Châu Trần đẹp đôi.
 Con chớ hám bề ngoài trang-sức,
 Mà theo đời ăn mặc chua-ngoa ;
 Chớ nên học thói trắng-hoa,
 Xưa nay tiếng dữ đồn xa cũng nhiều.
 Có lắm ả nữ-miêu ra dáng,
 Trông rõ ra một áng giai-nhân ;
 Tiếc thay xấu dữ mười phần,
 Làm cho cả bọn hồng-quần ó danh.
 Sao chẳng biết ngọc lánh đời giá ?
 Một con sâu mất cả nồi canh ;
 Con người như thế đáng khinh,
 Nữ-nhi đâu có ra hình nữ-nhi !

Con chớ có học nghề khiêu-vũ,
 Mặc người ta vũ-trụ Bồng-lai ;
 Vỡ lòng học lấy nghề hay !
 Đua nhau khoe sắc khoe tài ai khen ?
 Cũng chớ cậy lắm tiền mà diện,
 Quanh tháng ngày hi-viện ca-lâu ;
 Giang-sơn gánh vác về san,
 Con người thế ấy ai cầu làm chi ?
 Mẹ vẫn biết mỗi thì một khác,
 Xuân-xanh cùng tuổi-tác khác nhau ;
 Duyên xưa ai cấm bà đầu,
 Ấy lời tục-ngữ vẫn câu nói thường.
 Song kim cổ đôi đòng cân-nhắc,
 Thuở mẹ xưa chất-phác dễ coi ;
 Nếp nhà cốt giữ hân-hoi,
 Tam-tông từ-đức theo lời cổ-nhân.
 Việc nhà cửa đờ-dần khôn xiết,
 Ngón ăn chơi chẳng biết chi chi ;
 Đã sinh ra phận bồng-thê,
 Dầu bài là phải nhu-mi nết-na.
 Chắc có kẻ cười ta là hủ,
 Kề ra thì quá cỡ không nên ;
 Song-le đã gọi gái hiền,
 Thời kim kim quá nên khen chẳng nào ?
 Nay con hỡi, ấy bao lời dạy,
 Con cái nhà nên hãy nghĩ xa ;
 Phòng khi con bước chân ra,
 Đua đàn em chị khéo mà hư thân.

Tương-giang-thị

Thanh-Lâm nữ-sử

Từ trước đến nay ai ai cũng từng nghe câu ca dao « lẳng-lơ chẳng một mình ai, Thanh-lâm Đồng-sóm có hai ba người. » Nhưng chưa biết rõ sự-tích thế nào, mà lại có câu ca-dao như thế. Nhân vừa đây kỹ-giả có đến phủ Nam-sách xem ra phía Đông có một chợ gọi là chợ huyện Thanh-lâm, phía tây có một sông gọi là sông Cầu-giao (gấp làng Đồng-khê tức trước kia là Đồng-sóm) mới rõ Thanh-lâm Đồng-sóm là nơi đó. Kỹ-giả có kê-cửu lịch-sử của ca-dao ấy, cứ theo những bậc danh-nhân cổ-lão thuật lại thời nguyên làng Đồng-khê

trước kia có một nhà ông bà hào-hoa thi-lễ, đầu lòng sinh được một ả, khi nhỏ cho đi học song người có tư-chất thông-minh, không bao lâu thạo lối văn-thơ, kể sau ông bà lại sinh được hai cậu trai, nhưng hai cậu này còn thơ ấu thì ông bà đều qui-tiên cả. Người con gái đầu lòng của ông bà tức là chị của hai cậu, ở nhà nuôi dạy hai cậu học, sau hai cậu văn thơ tài giỏi, đi thi đồng-thời đỗ Tiến-sĩ. Nhà vua phán hỏi là học ai? Hai ông liền tâu là học chị. Vua bèn hạ chiếu vời bà chị của hai ông vào bệ-kiến, xét ra là nhà trăm-anti Thi Lễ, vả lại là người dâm-dang, nên phong cho bà là Lễ-Nghi Công-chúa, thành ra từ đấy mới có câu ca-dao « Dâm-dang chẳng một mình ai. Thanh-lâm đồng-sớm có hai ba người » sau này đọc sai chữ « dâm-dang » ra chữ « lẳng-lơ ». Vả lại hiện nay cũng vẫn còn đền thờ bà ở làng Đồng-khê. Nhân đây ký-giả hỏi rõ được căn-nguyên nên có làm thành bài ca sau này để giải tỏ sự tích nguyên-do là thế.

Mưỡu

Dâm-dang chẳng một mình ai,
Lẳng-lơ hai chữ lầm sai đó là ;
Dâm-dang mới phải kia mà,
Thanh-lâm Đồng-sớm vẫn nhà thi-thư.

Nói

Thanh-lâm lịch-sử,
Tiếng lẳng-lơ dân kể tự Cấn-giao.
Những từ nay ước mai ao,
Nhờ mượn khách Động-đào mà chỉ lối.
Tầu mã khán hoa phượng quả đôi,
Đặng lâu vẫn nguyệt tối vi kỳ ;
Nào ai đã tỏ phân-ly,
Hay chỉ biết câu ca ghi thế hử ?
Hỗ-thỉ nam-nhi tri nhược thử,
Thanh-cao nữ-sử vị tương tung ;
Hoa kia chưa dấu sắc tử hồng,
Còn mờ-mịt mơ-mòng trong mộng-sự.
Đôi nguyệt kim tôn không mạc sử,
Lạc hoa thủy diện thử thủy tri ;
Nghìn xưa âu có chuyện gì,
Bởi hậu-tiến nhằm ghi câu ngạn-ngữ.

Nguyên nhất hào-kiệt trung chi nữ,
Giáo nhị hiền đề-cử đồng-khoa ;
Mãn triều chu tử vinh hoa,
Tiếng nô-nức cao-xa trên bệ ngọc.
Truyền phán hỏi đầu mà giảng đọc,
Vội liền tâu chỉ học bảo em ;
Chiến vờ trước bệ ngổ xem,
Cúi đầu chúc dâng đem câu vạn-tuế.
Khảo thế-hệ trăm-anh hoa-đế,
Bản quốc-triều phong kể lễ-nghi;
Danh thơm sự tích còn ghi,
Rõ ràng bản tiên phi chi địa lục.
Đến mới biết sông Giao trong chẳng đục
Lại mà xem chợ huyện các cùng lau;
Người thanh-nhữ khách hồng-nhan,
Tục-truyền tác dị-doan thành thử
thuyết.

Đào xứ tiện băng thanh ngọc khiết,
Văn ngôn như đạm-tuyết khinh-phong ;
Nhân ngày nhân gặp lúc thông-dong,
Mượn bút tạm gió trong mà nổi vận.
Nhất phiến u-tinh kim bạch tận,
Từ phương danh-diệu nhận minh văn;
Nay đã tỏ hết nguyên-nhân,
Gương bạch-nhật nét son thân thêm
tỏ rạng.

Thế mới biết dau thanh khả trạng.
Hề về sau như bia bảng chẳng hồ-nghi;
Thanh-lâm lịch-sử còn ghi.

Mỵ-giang cổ-miếu

Làng Phục-lễ thuộc hạt Bình-giang, chính là làng bà cháu Me thác-sinh, bà là một vị Thượng-dang-thần anh-linh có tiếng, câu sao được vậy, hiện có văn bia của tiền-triều ghi tích từ trước đến nay, đã rêu phong, cỏ lẩn, gạch lở đá mòn, coi rõ cổ-kinh. Và làng lại có tòa đình Tổng-cung thờ đức Tổng cung phi, tòa chùa Vĩnh-xuân thờ Phật cùng Thánh-mẫu, thiện-nam tín-nữ sùng-bái quanh năm, nhưng đình chùa đều đã tàn nát hư-hỏng giệt nát. Xem ra xưa nhỏ dân nghèo, lại không người dâm-dang chuẩn-chỉnh, nên chưa hề lu-bồ. Nhân dịp ký giả qua xem phong-thủy, xem ra thời ngôi đình Tổng-cung đã là nơi âm-thấp lịch-mịch,

Thiếu trang 89

THỜI-ĐÀM

PHÁP

Khánh-thành tượng ông Doumer.

Quan cố Giám-quốc PAUL DOUMER bị ám-sát năm 1932. Muốn kỷ-niệm một bậc vĩ-nhân đã tận-tụy hi-sinh với nước, chính-phủ Pháp đã dựng tượng ông tại thành Aurillac thuộc tỉnh Cantal là nơi nguyên-quán của ông.

Đứng trước tượng đồng, quan Giám-quốc LEBRUN làm lễ khánh-thành có đọc một bài diếu-văn rất cảm-dộng.

Vụ Stavisky.

Từ ngày vỡ-lò ra vụ gian-lậu của STAVISKY đến bây giờ tòa vẫn chưa đem ra xử được, vì công việc của ủy-ban điều-tra vẫn chưa xong. Mới đây bộ Hình có ra một tờ thông-tư nói đến cuối năm nay thì có thể xử được. Hiện ba viên bồi-thẩm làm việc suốt ngày đêm để xét những « núi hồ-sơ » và làm bản cáo-trạng 22 người bị liên-can; lại 15 nhà toán-pháp chuyên-môn xét về sổ sách lý-tài, có nói cả đến nền lý-tài của hai nước Ý và Hung, vì STAVISKY có giao-thiệp cả với hai nước ấy nữa.

Thống-chế Lyautey tạ-thế.

Thống-chế LYAUTEY đã tạ-thế hôm 27 Juillet tại Vezelise (Meurthe et Mo-

selle), hưởng-thọ 80 tuổi. Chính-phủ làm lễ quốc-táng rất long-trọng. Toàn xứ Đông-dương có treo cờ rủ trong 5 ngày, để tỏ lòng ai-điêu.

Năm 1894 Thống-chế có sung vào bộ Tham-mưu ngạch binh ở Đông-dương.

Hội-nghị kinh-tế thuộc-địa.

Cuộc hội-nghị kinh-lẽ thuộc-địa do quan Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa PIERRE LAVAL tổ-chức có lẽ sẽ nhóm vào khoảng tháng Novembre này.

Đề-đốc Fournier, người ký hiệp-ước Thiên-tân với Lý Hồng-Chương, nay hãy còn sống.

Hiệp-ước Thiên-tân là tờ hiệp-ước chính-phủ Tàu thừa-nhận nước Pháp bảo-hộ hai xứ Trung-kỳ và Bắc-kỳ do Lý Hồng-Chương, tòng-đốc lĩnh Trục-lệ, thay mặt chính-phủ Tàu đã ký ở Thiên-tân với Thủy-sư Đề-đốc FOURNIER thay mặt chính-phủ Pháp vào hồi tháng Mai năm 1884, tức là ngày 19 tháng tư năm Quang-tự thứ 10 nhà Thanh.

1934 - 1884! Hiệp-ước Thiên-tân đến năm nay vừa đúng 50 năm, mà Đề-đốc FOURNIER là người ký hiệp-ước hãy còn sống. Hiện nay Đề-đốc 92 tuổi rồi và đang dưỡng-nhàn tại quận Neuilly,

Trong một nếp nhà nhỏ có vườn-được cây-cối xanh um.

Mới đây nhân ngày ngũ-thập chu-niên hiệp-ước Thiên-tân, một nhà viết báo Pháp đến thăm Đê-đốc, gặp Đê-đốc đang ngồi chống tay nhìn qua cửa sổ. Quan Hải-quân tổng-trưởng Piéru cũng thân đến đưa tặng Đê-đốc một ấm tam hạng Long-hội-tinh gạch Hải-quân.

Đê-đốc là người cao tuổi nhất trong Hải-quân nước Pháp ngày nay.

Một việc phát-mình: Làm dầu xăng bằng nước biển.

Báo « *Le Matin* » đăng tin rằng một người thợ máy ở Rouen, tên là Sabeurs mới tìm được một hóa-chất pha với nước bẻ thì thành ra dầu xăng, mà thứ dầu xăng ấy giá rất rẻ, chỉ có 3 centimes một lít. Nhà phát-mình ấy nói rằng nếu ai trả 2 ngàn triệu quan, thì bán cho cách chế thứ dầu xăng ấy.

ĐỨC

Hitler với Von Papen

Thủ-tướng HITLER xin với Thống-lĩnh HINDENBURG bỏ chức phó thủ-tướng và ủy-viên hạt Sarre của ông VON PAPAN để cử ông PAPAN sang làm đại-sứ ở Áo. Quan Thống-lĩnh bằng lòng, ông VON PAPAN cũng ưng-thuận. Dự-luận cho rằng đó là cái cách của HITLER định gây ông VON PAPAN ra ngoài việc nội-chính.

Thống-lĩnh Hindenburg tạ-thế.

Thống-lĩnh Paul Von Beneckden dorffund VON HINDENBURG đã tạ-thế sáng

hôm 2 Aout, hưởng thọ 87 tuổi. Chính-phủ làm lễ quốc-táng rất long-trọng.

Sau khi Thống-lĩnh từ trần, nội-các liền tuyên-bố đạo luật hợp-nhất hai chức Thống-lĩnh và Thủ-tướng làm một và giao cả cho HITLER. Quan Tổng-trưởng bộ Binh hạ-lệnh cho lục-quân và thủy-quân tuyên thệ trung-thành với HITLER. Các nước đều gửi điện-tin chia buồn cùng HITLER và con trai Thống-lĩnh. Phế-đế GUILLAUME II cũng gửi điện-văn chia buồn với con trai Thống-lĩnh và cử thái-tử đại-diện hoàng-tộc đặt vòng hoa viếng.

Các giới trong nước đều cho rằng thời-cục đã khó-khăn mà HINDENBURG chết, tất lại càng thêm nghiêm-trọng.

Quyền-thế của Hitler sau khi Hindenburg tạ-thế.

Làm thủ-tướng, làm lãnh-tụ đảng Quốc-gia xã-hội là một đảng có thế-lực lớn ở Đức, nay lại kiêm cả chức Thống-lĩnh nữa, thế là HITLER đã bước lên cái địa-vị nhà độc-tài, có uy-lực rất lớn ở Đức bây giờ, mà từ xưa đến nay trong lịch-sử Đức chưa có vị vua chúa nào bằng. HITLER có thể gọi là « chúa » của nước Đức ngày nay, mà đảng Quốc-gia xã-hội thế là đã chiếm hết quyền-thế ở Đức rồi vậy.

Người ta nói HITLER bây giờ có thể đem thực-bành cái chương-trình của đảng Quốc-gia xã-hội ngày 25-2-1920 mà chẳng ai dám ngăn cản.

HITLER từ-chối chức Quốc-trưởng (*Chef de l'Etat*) mà chỉ nhận chức Dân-trưởng (*Chef du Peuple*) và chức thủ-tướng (*Chancelier*).

Nhưng lại muốn được trọng sự-thế hơn, HITLER mới mở ra cuộc quốc-

dân đầu phiếu đề trưng-cầu ý-kiến quốc-dân xem có tín-nhiệm mình nắm toàn-quyền nước Đức không.

Cuộc đầu-phiếu mở ra ở khắp nước Đức ngày 19 Aout và được kết-quả rất mỹ-mãn. Cứ theo bản thống-kê thì công việc của HITLER làm được 90% dân Đức hoan-nghehnh.

HITLER khuyên đảng Quốc-gia Xã-hội phải làm thế nào cho 10% dân không hoan-nghehnh ấy phải theo cả chủ-nghĩa đảng Quốc-gia Xã-hội.

HITLER tuyên-bố sẽ hành-động cho toàn-thể dân Đức theo chủ-nghĩa của đảng mình.

ÁO

Sau cuộc nội-biến.

Bọn phiến-loạn sau khi bị chính-phủ đánh dẹp đã trốn sang xứ Serbie, vừa qua cương-giới liền bị lính Serbie lột khi-giới và bắt giam.

Hai hung-thủ giết thủ-tướng DOLFUSS đã bị xử giảo. Trước khi bị hành-hình, cả hai đều hô lớn: « Heil Hitler » nghĩa là HITLER vạn-tuế.

Nội-các mới đã thành-lập. Ông SCHNUSCHNIGG làm thủ-tướng, Hoàng-thân STARHEMBERG làm phó thủ-tướng. Chính-phủ mới đã chuẩn-y về việc cử ông VON PAPPEN làm đại-sứ.

Các nước đều tỏ ý bất bình và đổ cho Đức chủ-trương việc mưu-sát thủ-tướng DOLFUSS và quấy rối nước Áo. Các báo Ý đều hô-hào dân Áo nên đồng-tâm hiệp-lực trừ tiết bọn của HITLER trong nước đi.

Áo lo tăng binh để bảo-hộ cho sự độc-lập.

Vì cuộc nội-biến xảy ra, nên chính-phủ Áo vận-động ở Luân-đôn, ở Ba-lê, ở La-mã và những nước có ký-tiểu-hiệp-ước để xin phép cho nước Áo được tăng binh-đội lên.

Theo tin đồn thì mấy nước Anh, Pháp, Ý đã ưng-thuận.

Mùa xuân mới rồi mấy cường-quốc có ký điều-ước Trianon cũng đã cho phép thủ-tướng DOLFUSS tăng binh một lần rồi.

MỸ

Vấn-dề hải-quân.

Vì tình-thế Âu-châu nghiêm-trọng nên quan Thượng-thư hải-quân đã xin quan Tổng-thống ROOSEVELT đề nguyên tàu chiến lớn ở Thái-bình-đông thời, còn tàu nhẹ thì đem về Đại-tây-dương.

Mỹ tuyên-bố rằng không cho Nhật được ngang số tàu với mình.

Hạn-hán.

Ở Mỹ hiện nay nắng rất dữ. Số người chết nắng có đến hơn một nghìn. Mùa màng và súc-vật bị nguy hiểm. Người ta nói đã 62 năm nay mới lại có cái nắng dữ-đội như thế.

NHẬT

Nhật mới chế được một thứ ngư-lôi mới.

Bộ Hải-quân Nhật mới đem thử một thứ ngư-lôi (torpille) kiểu mới rất lạ. Thứ ngư-lôi này khác với những ngư-

lôi thường là có một cái động-cơ rất mạnh và có một chỗ vừa cho một người ngồi dễ vận lái. Như thế thì tàu bên địch chạy nhanh đến đâu cũng không thể tránh thoát. Ngư-lôi này chạy nhanh được từ 30 đến 50 hải-lý một giờ, và có thể chạy dưới mặt nước được.

Bộ Hải-quân Nhật yết-thị cần 400 người dễ cầm lái ngư-lôi ấy. Cầm lái ngư-lôi ấy lúc là đi đến chỗ chết, vì ngư-lôi đâm vào chiếc tàu chiến nào thì ngư-lôi nổ tan, người cầm lái tất phải tan ra như xác pháo. Thế mà yết-thị vừa mới ra, lúc thì có đến 5.000 thanh-niên Nhật đến ứng-mộ, mà người nào người nấy đều có vẻ vui sướng được hi-sinh cho tổ quốc. Xem thế thì đủ biết cái tinh-thần can-dảm yêu nước của người Nhật là thế nào !

Đồ hàng của Nhật rẻ lắm.

Muốn cạnh-tranh về đường kinh-tế, Nhật đem hóa-vật kỹ-nghệ của mình sang các nước bán phá-giá dẽ lắm. Một cái bóng đèn điện bán 2 su rưỡi, xe đạp 130 quan một chiếc, đồng-hồ bán từng kilo, mỗi kilo có 35 quan, xe hơi 7 mã-lực mà mỗi chiếc chỉ có 4.000 quan, tức là 400 bạc ta. Rẻ hết chừng nào !

Hiện nay Nhật đang cho người đi eò-động ở Ấn-độ, Nam-dương quần-đảo, và cả Phi-châu nữa. Còn như Tàu và Mãn-châu thì vẫn thích dùng xe hơi của Nhật lắm.

Nghe đâu họ lại định đem sang bán ở cả Đông-dương ta.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU



Chính-phủ Trung-ương nước Tàu gần đây, người Nhật vẫn biết là không phải là một Chính-phủ toàn-thể nhất-trí, Uông Tinh-Vệ là trưởng viện hành-chính, cầm quyền ở Nam-kinh, Hoàng-Phu là chủ-tịch ban hội-đồng chính-trị ở Bắc-bình, bấy lâu nay vẫn theo về phái Tưởng Giới-Thạch, có ý muốn thân Nhật. Song phái Tây-nam là bọn Trần Tế-Đường, Bạch Sùng-Hi thì lại đồng-ý với Hồ Hán-Dân hiện ở Hương-cảng, bấy lâu vẫn không hiệp-tác với Nam-kinh, lại có ý kháng Nhật. Coi vậy đủ biết ý-kiến các tay trọng-yếu trong chính-giới nước Tàu rất là lộn-xộn, mỗi đảng-phái một ý-kiến khác nhau, chưa hẳn đã liên-lạc với nhau được. Mà bên ngoài thì người Nhật một

mặt hăm-dọa lăm-le muốn thôn-tính nước Tàu, một mặt lại khôn-khéo dỗ-dành muốn thân-thiện với Tàu. Ấy cũng vì cái kế-hoạch giao-thiệp khôn-khéo ấy, nên mới rồi cái vấn-đề thông-xa thông-bưu tự Bắc-bình ra Mãn-châu, người Nhật mới được thành-công. Duy còn mấy vấn-đề địa-phương thì sẽ do Uông Tinh-Vệ và thuộc-viên quân-bị của Nhật là Sai-Son (Suzuki) cùng bàn-tính thỏa-định. Hữu-Cát là đại-sứ Nhật mới rồi có tuyên-bố rằng : Điều cần-yếu là phải lo gây nên một mối thân-thiện dầm-thấm trong cuộc Nhật-Hoa. Những cuộc giao-hảo đó đã được thành-tựu tốt-đẹp là nhờ Uông Tinh-Vệ hiện giờ có quyền tự-do giải-quyết các vấn-đề địa-phương ở Tàu.

Ấy về mặt giao-thiệp thân-thiện với Tàu thì người Nhật khôn-ngoan như vậy, mà bề ngoài thì người Nhật lại lấy binh-ny hách-truật nước Tàu. Quân Nhật lấy cơ việc giao-thiệp ở chiến-khu đình-dồn, lại đem thêm quân, thêm khí-giới đến các cửa ải ảnh-khâu, Giới-linh, Phan-gia, Hỉ-phong Cồ-bắc-khâu, Mã-lan-cốc, lại phái máy bay đến dò xét phía tây Nhiệt-là. Quân Mãn-châu đóng ở Đông-lãng cũng phái thêm đến.

Nhật lại vì phòng-bị đối chọi với Nga, đã dòm-dỏ đến cả Tân-cương và phía tây Mông-cổ, phái bọn quân-nhân và các tay chuyên-môn về kỹ-thuật tổ-chức thành một đội giao-thông, cứ dần-dần theo địa-thế mà lấn tới hai nơi đó, hẹn trong 2 năm phải lấy được xứ Tân-cương.

Cục-diện nước Tàu về miền Nam thì còn rối loạn như thế nọ, mà về miền Bắc thì bị xâm-lấn như thế kia, nếu người Tàu mà không đồng-tâm hiệp-lực thì sao hay cứu-vãn được lúc nguy-vong này. Các tay lĩnh-tụ Tây-nam gần đây xem ra ý-kiến đều chủ-trương về lối «đoàn-kết cứu nước», cái chính-kiến ấy rất dung-hợp với Trung-ương.

tiền-dò thông-nhất may ra cũng có hi vọng.

Tôn-Khoa có đi Hương-cảng để hội-kiến với Hồ Hán-Dân và đi Quảng-dông để hội-kiến với các tay lĩnh-tụ phái Tây-nam như Trần Tế-Đường, Lý Tôn-Nhân, v. v. . . Không Trường-Hy, tổng-trưởng bộ Tài-chính, sau khi đi yết-kiến Tướng Giới-Thạch trở về cũng xuống miền Nam.

Chẳng hay phái Tây-nam có những cuộc hội-thương này mà chỉ hợp-tác thực với Trung-ương hay không.

Ngoài miền Đông-bắc thì quân nghĩa dũng lại nổi lên chống Nhật, như 1 chiếm-giữ được một dải sông Áp-lộ và đánh lấy lại được La-tử-câu. Quân nghĩa-dũng ở đường Trung đông thì ần-hiện không thường, chẹn đánh đoàn xe, phá hủy các cầu, cắt đứt đường điện-báo điện-thoại, không mấy ngày không có. Các toán quân nghĩa dũng tay quyết đồng-tâm liều chết chống Nhật, làm cho quân Nhật nhiều lần phải thoái-sức, nhưng trớ chọi với đá, chẳng hay sau này có nên công-cán gì không?

VIỆC TRONG NƯỚC

Đạo Darlac chia làm 27 hạt. — Darlac là một đạo rừng núi, có dân Mọi ở, thuộc Trung-kỳ, nay Chính-phủ có nghị-định chia đạo ấy ra làm 27 hạt, mỗi hạt đặt một tù-trưởng người Mọi thuộc dưới quyền quan Công-sứ Darlac. Mỗi tù-trưởng mỗi tháng được lĩnh nguyệt-bổng 15 đồng bạc.

Các thầy số thầy tướng phải chịu thuế — Trong Nam-kỳ Chính-phủ cho là những thầy xem số xem tướng và xem bói đều là bày cuộc trò chơi vui nho-nhỏ để kiếm tiền, nên định các thầy phải lĩnh môn-bài hoặc chịu thuế từng ngày.

Có văn-bằng khoa-cử mới được làm hương-sư. — Nghị-định quan quyền Toàn-quyền ngày 22 Juillet 1934:

Khoản 2 trong nghị-định ngày 2 Décembre 1926 thì nay bỏ đi và thay vào như sau này :

Các thầy giáo trường hương-học lớp sơ đẳng trở xuống, ít ra phải 18 tuổi và phải có một thứ bằng trong các văn-bằng sau này : Sơ-học Pháp-Việt, Khóa-sinh, Sư-phạm, hoặc có chẵn nhất nhì tam-trường, Tú tài Cử-nhân Phó-bằng Tiến-sĩ về học cũ.

Người có bằng cao hơn sẽ được tuyên trước.

Những điều trên này không thi-hành cho các hương-sư tại-chức.

Điều-lệ vào học tại Quốc-tử-học-xá — Mới đây quan Thượng-thư bộ Quốc-dân giáo-dục có tuyên-bố những điều-lệ về sự vào học ở Quốc-tử học-xá như sau này :

Những người nào được đi Thừa phái thuộc-quan nghĩa là những người nào có bằng Thành-chung tốt-nghiệp, bằng Tú-tài tây hay Tú-tài bản-xứ và những viên-chức lòng-sự của Chính-phủ Bảo-hộ và Nam-triều có quan đầu Ty cho phép đều có thể xin vào Quốc-tử học-xá được.

Người nào vào đều phải nộp một năm 3 đồng và sẽ được một cái giấy vào phòng đọc sách và phòng diễn-thuyết (sẽ có những kỳ diễn-thuyết về những vấn-đề có ích cho thi-sinh).

Tiền đóng hàng năm sẽ nộp ở phòng giấy của Quốc-tử học-xá, do viên thư-ký ở đây nhận và trao biên-lai ; năm đầu sẽ từ 1er Août 1934 đến 31 Juillet 1935.

Muốn xin vào, thi-sinh phải nộp những lá đơn sau này :

A. — Đơn xin vào, gửi cho quan Thượng-thư bộ Quốc-dân giáo-dục, hội-trưởng Quốc-tử học-xá, kể rõ :

- a) Tên họ.
- b) Ngày sinh.
- c) Quê quán.
- d) Bằng cấp gì, thi về năm nào.
- e) Làng ngụ.

l) Các viên-chức thì hàm phẩm gì và ngày nào được vào làm việc cho nhà nước.

B. — Một bức ảnh 4 x 6 đề dán vào cái carte vào cửa.

C. — Một tờ sao văn-bằng của thi-sinh đề được nhận vào Học-xá theo thể-lệ định.

D. — Các viên-chức thì phải có giấy của quan đầu Ty cho phép tới lui Học-xá.

Hiện nay ở Quốc-tử học-xá có một thư-viện đủ các sách học để đi thi thuộc-quan và một phòng rộng để cho thi-sinh đến học, phòng ấy sẽ mở từ 4 giờ chiều đến 10 giờ đêm.

X **Một người tá-diễn bị bắn chết.** — Người tá-diễn tên là Dương Văn-Tát ở đồn-diễn Cầu-lồ thuộc Bắc-giang ngày 12 Juillet bị bắn chết. Nguyễn ngày ấy Bác-sĩ GILLARD quản-lý đồn-diễn ấy cùng người thư-ký Nguyễn Văn-Hân và mấy người tùy-lùng đến đồn-diễn Cầu-lồ đuổi Tát không cho ở đấy nữa. Tát chưa chịu đi, đôi bên gườm nhau một lúc, đến khi hai tiếng súng nổ thì tên Tát ngã lăn ra. Ngày 13, các nhà chức-trách tới điều-tra, ngày 17 Bác-sĩ bị bắt tại Hà-nội đem lồng giam, Nguyễn Văn-Hân cũng bị bắt. Theo lời Bác-sĩ khai thì trước chối là không bắn Tát, đến khi ở trước phòng dự-thăm thì mới nhận là có bắn

mà bắn chỉ-thiên. Một người lính gác ở đồn-diên ấy là Ngụy Văn-Mạn khai rằng chính ông GILLARD bắn chết tên Tút.

Đến cuộc dự-thăm sau cùng, Nguyễn Thị-Thạch là vợ Trưởng Tút khai là chính tên Pháo tức Nhân là người tùy-tùng Bác-sĩ bắn Tút, mà Pháo thì khai là có bắn chỉ thiên, xét ra viên đạn bắn chết Tút thì đúng với đạn của súng Pháo cầm, nên Pháo đã bị tống giam, Bác-sĩ GILLARD và Thư-ký Hán đã được tạm tha. Đợi khi kết-án mới rõ.

Về việc ông Ackein quản-lý Văn-khố bị bắt. -- Việc ông ACKEIN bị bắt hồi đầu tháng 7, thì ông khai ở phòng dự-thăm đã nhận rằng có biên-thủ hơn bảy vạn đồng của khách hàng và một số tiền trước-bạ ở tòa án. Tòa án Marseille lại vừa gửi giấy ủy-quyền sang cho sở Liêm-phóng Hà-nội xét về việc ông ACKEIN, vì có nhiều người ở Marseille kiện ông ACKEIN về tội lừa đảo nữa.

Đề-phòng ngày 1er Août. -- Ngày 1er Août là ngày kỷ-niệm của cộng-sản, các nơi đều đề-phòng cẩn-mật, khắp trong cõi Đông-dương không xảy ra sự gì cả.

Đông-dương được phát-hành một cuộc công-thải 170 triệu quan. -- Đại-Pháp quan-báo ngày 1er Août đã đăng một đạo luật cho phép Đông-dương được phát-hành một cuộc công-thải 170 triệu quan để bù vào số tiền lầy trong quỹ trừ-bị ra, để cho các nhà làm đồn-diên vay. Trong khi chờ cuộc công-thải này thực-hành thì Chính-phủ có thể xuất trước cả hay một phần số tiền công-thải trong một hạn ngắn phải trả. Tiền công-thải này trả dần trong 15 năm thì xong. Số tiền vốn và lãi của cuộc công-thải này do Ngân-hàng Đông-

dương chịu và do chính-phủ Pháp bảo-đảm.

Quan Toàn-quyền Robin ra Huế và Hà-nội. -- Ngày 2 Août, quan Toàn-quyền từ Sài-gòn khởi-hành ra Huế, ngày 4 tới Huế, Ngài vào yết kiến đức Bảo-đại tại điện Thái-hóa, ngày 5 Ngài chủ-tọa Hội-đồng Thượng-thư, rồi cùng đức Bảo-đại chủ lễ khánh-thành nhà Quốc-tử học-xá, ngày 6 Ngài hội-nghị với đức Bảo-đại, quan Khâm-sứ và các quan đại-hiến Tây Nam, ngày 7 Ngài từ-biệt Huế ra Hà-nội, 9 giờ sáng ngày 8, ra tới phủ Toàn-quyền Hà-nội. Suốt dọc đường Ngài đi từ Sài-gòn ra Hà-nội, địa-hạt nào cũng có các quan dân sở-tại bày nghi-lễ đón rước chúc mừng quan Toàn-quyền mới, mà nhất là Kinh-dô Huế và Hà-nội thì nghi-lễ đón rước rất là trọng-thể.

Một cô thiếu-nữ Việt-Nam đậu Y-khoa bác-sĩ. -- Cô HENRIETTE BUI là lệnh-ái ông BUI QUANG-CHIÊU mới đây đã đỗ Y-khoa bác-sĩ ưu-hạng tại trường Đại-học Y khoa ở Paris. Cô giỏi về khoa bảo-đục nhi-đồng, khoa phụ-nhân thai-sản và các bệnh riêng về phụ-nữ.

Một cô thiếu-nữ Việt-Nam làm trạng-sư. -- Có Ngô Tại-Diệm du-học bên Pháp, mới rồi đỗ Luật-khoa cử-nhân và đã làm trạng-sư ở tỉnh Montpellier.

Hội Khai-Tri nghênh-tiếp quan Toàn-quyền Robin. -- Hội Khai-Tri Liên-Đức đặt một tiệc trà long-trọng vào hồi 5 giờ chiều ngày 18 Août để nghênh-tiếp quan Toàn-quyền Robin mừng Ngài mới sang trọng-nhiệm chức thủ-hiến xứ Đông-dương này.

Xử án không nên phân-biệt người Pháp người Nam. -- Trong Đông-dương tư-pháp quan-báo Janvier

Mars 1934 có dùng tờ thông-tư của bộ Thuộc-địa đại-ý nói rằng các quan tòa-án đối với những vụ người Âu-tây với người thuộc-địa có can-phạm, thường thấy xử cho người Âu nhẹ tội mà xử người thuộc-địa nặng tội, hình như có phân-biệt màu da. Như thế là trái với sự công-bằng, rồi tất sinh ra nhiều ảnh-hưởng không tốt. Từ nay xử vụ án nào phải nên thận-trọng công-minh, tìm cho ra chứng-cớ, rồi kết án người có tội phải đúng như pháp-luật và trật-lự, bất-luận kẻ phạm là người màu da gì. Và lại cái vinh-dự của người cầm quyền bảo-hộ cốt ở chỗ có độ-tượng có linh-anh hơn người thuộc-địa chứ không phải ở chỗ võ-lực quyền-thế hơn người.

Chức-chương của phủ Tôn-nhân.

— Ngày mồng 9 tháng 5 năm Bảo-dại thứ 9 (20-6-1934) có đạo-Dụ của đức Bảo-dại chia chức-chương của phủ Tôn-nhân làm bốn khoản: 1) Chức-chương về hộ-lịch các người hoàng-phái; 2) Chức-chương về lễ-nghi; 3) Chức-chương về hành-chính; 4) Chức-chương về hình-vụ.

Dự-định giảm 10 phần trăm thuế thân và thuế sinh-lý cho dân Nam-kỳ. — Ngày 30 Juillet, quan Thống-đốc PACÈS đã dự-định qua sang năm 1935 sẽ giảm thuế cho dân An-Nam ở Nam-kỳ 10 phần trăm, và sẽ giảm 10 phần trăm cho cả thuế sinh lý nữa.

Xả thuế điền-thổ chưa nộp về năm 1932 cho dân Nam-kỳ. — Quan Thống-đốc PACÈS vừa thông-tư cho dân Nam-kỳ rằng Ngài định xả thuế điền-thổ cho những người nào chưa nộp được từ năm 1932 trở về trước, chỉ phải nộp từ năm 1933 về sau mà thôi.

Hội-đồng Thường-trực Đông-dương Đại-hội-nghị. — Hội 9 giờ

sáng 17 Aout, ban Thường-trực Đông-dương Đại-hội-nghị đã họp hội-đồng tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, do quan Toàn-quyền ROBIK chủ-tọa.

Hội-đồng chính-phủ. — Sáng ngày 18 Aout ban Thường-trực Hội-đồng chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, do quan Toàn-quyền ROBIK chủ-tọa.

Ngạch học-quan ở Bắc-kỳ. — Nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ mới rồi đã ấn-định các quan Đốc-học, Kiểm-học, Giáo-thụ và Huấn-đạo ở các tỉnh trong xứ Bắc-kỳ như sau đây:

Bắc-giang: 1 kiểm-học, 1 giáo-thụ, 2 huấn-đạo.

Bắc-kạn: 1 giáo-thụ.

Bắc-ninh: 1 đốc-học, 2 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Cao-bằng: 1 kiểm-học.

Hà-đồng: 1 đốc-học, 2 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Hải-dương: 1 đốc-học, 2 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Hà-nam: 1 kiểm-học, 1 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Hưng-yên: 1 kiểm-học, 1 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Kiến-an: 1 kiểm-học.

Lạng-sơn: 1 kiểm-học.

Nam-định: 1 đốc-học, 1 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Ninh-bình: 1 kiểm-học, 2 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Phủ-thọ: 1 kiểm-học, 1 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Phúc-yên: 1 kiểm-học.

Quảng-yên: 1 huấn-đạo.

Sơn-tây: 1 kiểm-học, 1 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Thiếu trang 98

a) Các người đậu bằng Cao-dẳng tiểu-học và bằng sư-phạm (B. A. P.)

b) Học trò cũ lớp đệ-tam, đệ-tứ-niên cao-dẳng tiểu-học và sư-phạm ;

c) Học trò tốt-nghiệp lớp sư-phạm ;

d) Học trò có đậu bằng Tiểu-học (C. E. P. F. I.).

Chỉ khi nào không có người đậu các bằng kể trên ấy mới dùng đến các người đậu bằng Sơ-học yếu-lược (C. E. E. I.) Những cựu-hương-sư, tuyên-sinh, giám-sinh và học-sinh nhất, nhì, tam-trường và đại-đề các người có khoa-mục xưa, nếu thiếu người đậu các văn-bằng kể trên ấy thì cũng có thể tuyên dụng làm giáo-sư được. Song phải hạch cho biết học-lực về chữ quốc-ngữ và các môn yếu-lược theo như khoản thứ 10 trong nghị-định quon Kham-sư ngày 20 tháng 7 năm 1933 đã định.

Nói tóm lại thì giáo-sư là người thầy học trực-tiếp ngay trong dân-gian, phải kén chọn người có đủ tư-cách dạy được đã đành, lại phải người có hạnh-kiểm tốt, để cho phụ-huynh học trò mến phục mới được.

Tuy giáo-sư không có định ngạch, những người nào làm việc lâu năm, dạy học thành-hiệu, xét ra nên thăng-lệ, có thể tư về Bộ để thăng-thưởng phẩm-hàm, hoặc huy-chương, Bộ sẽ vui lòng xét cho.

... Thề-lệ mới này bắt đầu từ năm 1935 mới hoàn-toàn thi-hành.

Một vụ biên-thủ ở quan-cảng Hải-phòng.— Ông MASSIMI bị bắt giam vì có biên-thủ tiền-tài của quan-cảng Hải-phòng. Sáng ngày 22 Aout ông MASSIMI đã bị giải lên Hà-nội để xét xử.

Vì cho chở hàng-hóa lậu thuế hai viên-chức nhà Đoan bị bắt.— Vì bắt được 5 toa xe lửa chở hàng lậu đáng 9 nghìn bạc thuế từ Ba-ngôi vào Sài-gòn, chủ hàng lậu là Du Phu-Ward khai cho ông chủ-sự nhà Đoan là NADAL đã lấy hối-lộ bốn nghìn đồng, khi hỏi ông NADAL chủ-sự nhà Đoan Nha-trang thì lại liên-can đến cả ông BROSSÉ chủ-sự nhà Đoan Ba-ngôi, nên hai ông chủ-sự ấy đều bị tổng giam để xét xử.

Lại một viên quản-lý văn-khế ở Hải-phòng bị bắt.— Ông DURBAN làm lục-sự tòa-án kiêm quản-lý Văn-khế, đến hạn về hưu không chịu làm báo-giao cho người mới nhiệm chức, nên bị cáo là biên-thủ sả-sách và tiền-tài của tòa-án, ngày 22 Aout đã bị bắt giam để xét.

Quan Toàn-quyền và quan phó Toàn-quyền vào Nam-kỳ.— Ngày 31 Aout này quan phó Toàn-quyền CHATEL đúp tàu Compiègne vào Sài-gòn, còn quan Toàn-quyền ROMS sang thượng-tuần Septembre sẽ đi đường bộ vào Huế rồi mới vào Sài-gòn.

Một bậc danh-nho ở Hà-tiên tạ-thê.— Cụ Lâm Tấn-Dực biệt-hiệu Hữu-Lân, mới tạ-thê ngày 21 tháng 6 năm Giáp-tuất (1er Aout 1934), hưởng thọ 69 tuổi.

Cụ là một bậc nho-học có tiếng ở đất Hà-tiên và là bà-phụ ông Lâm Tấn-Phúc, bạn làng-văn của bản-chi. Vay bản-chi có lời kính viếng cụ và chia buồn cùng ông Lâm Tấn-Phúc với qui-quyển.

Giới-thiệu sách và báo

Nam-ngữ chính-tả tự-vị.— Tập tự-vị thứ nhì : Tr. tiếp theo tập Ch. trước. Tác-giả NGUYỄN DUYÊN-NIÊN,

sách dày 122 trang, in tại nhà in Tân-dân Hà-nội, giá 0\$35.

40 bài tập đọc.— *Lớn Trung* dâng năm thứ nhất. Tác-giả : Tô Hữu Trác và Nguyễn Đức-Phong, sách có 64 trang, in tại nhà in Lê Cường Hà-nội, giá 0\$30.

Thanh Nghệ Tĩnh.— Thanh Nghệ Tĩnh tuần-báo mới ra số đầu ngày 3 Aoùt 1934, ông Lê Hữu-Nữ là chủ-nhiệm, ông Phó Đức-THÀNH làm quản-lý, mỗi tuần lễ báo ra một số vào ngày thứ sáu, giá đồng niên 1\$50, nửa năm 0\$80.

Tân-văn.— Tuần-báo xuất-bản ở Sài-gòn, cô Trần Thị-Hiệp sáng-lập do ông Phan Văn-Thiết chủ-trương. Ông Phan Văn-Thiết xuất-bản tờ Tân-văn này để thay cho tờ Việt-dân mà ông đã giao trả ông Đặng Thúc-Liêng, nên nội-dung tờ Tân-văn này cũng tương-tự như tờ Việt-dân trước. Báo-quán ở 49 đường Garros Sài-gòn, mỗi số giá 0\$10.

NAM-PHONG TÙNG-THU

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoi)

Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích. giá 4 hào

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-----------------------------|-----------------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 1 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào |
| 1. — L'idéal du Sage | 1 hào. |
| 5. — Chư-fu-trị nước Pháp : | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiêu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết | VOLTAIRE 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (Tu lần thứ hai) | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |
| 12. — Lục-ngữ ca-dao. | 1 hào. |

